

VẬN DỤNG
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY
CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC

(Sách chuyên khảo)

NGUYỄN THỊ LAM, NGUYỄN KHÁNH LY (ĐỒNG CHỦ BIÊN)
PHAN VĂN TUẤN, LÊ MINH PHONG, PHẠM THỊ THÚY HỒNG,
PHẠM THỊ LUẬN, NGUYỄN THỊ MINH HIỀN, LƯU THỊ THU HIỀN

VẬN DỤNG
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY
CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC
(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, cùng với xu hướng phát triển của thời đại về các lĩnh vực khoa học - công nghệ, sự bùng nổ về thông tin, giáo dục - đào tạo cũng có những bước phát triển mới. Trong những năm gần đây, giáo dục và đào tạo nước ta có nhiều đổi mới về nội dung và phương pháp.

Đổi mới theo phương pháp tiếp cận phát triển năng lực hay phương pháp dạy học tích cực. Đó là cách thức dạy học theo lối phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Giáo viên là người giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới.

Các học phần lý luận chính trị là những môn học có vai trò hết sức quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho sinh viên, góp phần tích cực vào việc đào tạo, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo đó, công tác dạy và học môn chính trị nói chung ở Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa, hơn lúc nào hết, phải được đổi mới cả về nội dung lẫn phương pháp. Là những môn học khá trừu tượng và nặng nề về kiến thức hàn lâm, vì vậy đối với giảng viên dạy các môn lý luận chính trị nói chung phải tìm kiếm phương pháp phù hợp để sinh viên dễ hiểu nhất.

Thực tế vẫn còn một bộ phận không nhỏ giảng viên chúng ta hiện nay sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu và chưa linh hoạt trong việc liên hệ kiến thức trong thực tiễn về: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, chưa đáp ứng được nhu cầu giải thích những vấn đề liên quan trong đời sống để minh họa làm cho bài giảng có giá trị và sức thuyết phục.

Việc đổi mới phương pháp dạy trở nên cấp bách hơn bao giờ hết đối với các trường đại học nói chung và với Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng khi thực hiện việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Muốn sinh viên thay đổi thì trước hết thầy cô chúng ta phải thay đổi.

Quá trình đổi mới phương pháp dạy học gồm nhiều phương pháp khác nhau, tuy nhiên trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi chỉ đề cập đến sử dụng phương pháp dạy học tình huống khi giảng dạy các học phần lý luận

chính trị ở bậc đại học nói chung, tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng.

Đây là hình thức dạy học, trong đó, giáo viên tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập cần tạo ra những tình huống có vấn đề nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia các hoạt động học tập. Các vấn đề trong cuộc sống thường được biểu hiện qua các tình huống. Do đó, dạy học bằng sử dụng tình huống có ý nghĩa quan trọng cần được vận dụng. Thông qua việc giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn, sinh viên sẽ có cơ hội rèn luyện tư duy, tự nghiên cứu, biến họ từ khách thể trở thành chủ thể của quá trình nhận thức và học tập, từng bước giành lấy tri thức khoa học, phát triển khả năng thích ứng với các tình huống khác nhau trong học tập cũng như cuộc sống. Từ đây, tạo tiền đề để phát triển con người toàn diện trong bối cảnh phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, hướng tới một nền giáo dục Việt Nam hiện đại và hội nhập quốc tế. Đây cũng là một nét đặc trưng của nền giáo dục mới, nền giáo dục con người “tự chủ, năng động, sáng tạo” trong thế kỷ XXI.

Với ý nghĩa trên, nhóm tác giả đã biên soạn cuốn sách ***“Vận dụng phương pháp dạy học tình huống trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở bậc đại học”***.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Với tinh thần cầu thị, nhóm tác giả hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp của quý đồng nghiệp để khi có dịp tái bản, cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Trân trọng!

Nghệ An, tháng 9 năm 2023

NHÓM TÁC GIẢ

Chương 1

LÝ LUẬN

VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG

1.1. Khái niệm phương pháp, phương pháp dạy học

1.1.1. Khái niệm phương pháp

Trong quá trình nhận thức và trong hoạt động thực tiễn, con người luôn tìm cách làm cho hoạt động của mình ngày càng có hiệu quả cao. Điều này dẫn đến sự hình thành phương pháp trong cuộc sống. Con người muốn nhận thức đúng bản chất của sự vật, tiếp cận với sự vật, khám phá thuộc tính của sự vật để khái quát ra lý luận về sự vật thì cần phải có phương pháp.

Thuật ngữ “phương pháp” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp (methodos) có nghĩa là con đường đi đến mục đích. Theo đó, phương pháp dạy học là con đường để đạt mục đích dạy học. Từ điển Bách khoa định nghĩa: “Phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện để đạt tới mục đích

nhất định, để giải quyết những nhiệm vụ nhất định trong nhận thức và trong thực tiễn”. Theo Ph.Bêcon phương pháp như “Sợi chỉ cần thiết dẫn đường”. Còn R.Đêcactơ lại đưa ra nhận định: “Thiếu phương pháp thì người tài cũng lỗi, có phương pháp thì người tầm thường cũng làm được việc phi thường”. Hêghen (1770 - 1881) là đại biểu vĩ đại nhất của triết học cổ điển Đức cho rằng: “Phương pháp là ý thức về hình thức của sự tự vận động bên trong của nội dung”. Tuy được đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng nhìn chung, khi nói tới phương pháp, các nhà khoa học, nhà giáo dục đều cho rằng phương pháp là cách thức, là con đường, là phương tiện để đạt được mục đích. Phương pháp bắt nguồn từ thực tiễn, phản ánh những quy luật khách quan của đối tượng nghiên cứu. Sức mạnh của phương pháp trong điều kiện phản ánh đúng quy luật khách quan sẽ đem lại cho khoa học và thực tiễn một công cụ hiệu quả nhất để nghiên cứu và cải tạo thế giới.

1.1.2. Khái niệm phương pháp dạy học

Trong quá trình giáo dục và dạy học rất cần có phương pháp. Phương pháp giúp người học bằng nỗ lực cố gắng của bản thân, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chiếm lĩnh được kiến thức bằng con đường ngắn nhất. Vì thế, ở bất cứ nhà trường nào, người giáo viên nào cũng mong muốn tìm được những phương pháp dạy học tối ưu, hiệu quả nhất

đối với người học. Có phương pháp tốt, quá trình truyền đạt và lĩnh hội tri thức sẽ đạt hiệu quả cao, phương pháp không phù hợp sẽ khiến sinh viên không hiểu bài, không hứng thú vào bài học.

Theo Ju.k.Babansky: “Phương pháp dạy học là những cách thức hoạt động tương tác được điều chỉnh của giáo viên và học sinh hướng vào việc giải quyết các nhiệm vụ giáo dưỡng, giáo dục và phát triển trong quá trình dạy học”.

Tác giả Phan Thị Hồng Vinh cho rằng: “Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động phối hợp thống nhất của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của giáo viên nhằm thực hiện tối ưu mục tiêu và nhiệm vụ dạy học”.

Tác giả Phan Trọng Ngọ lại khẳng định: “Định nghĩa chung về phương pháp là những con đường, cách thức để tiến hành hoạt động dạy học”.

Như vậy, mỗi nhà khoa học với những cách tiếp cận khác nhau đã đưa ra nhiều quan điểm, khái niệm về phương pháp dạy học. Song, trong các quan điểm của các nhà khoa học, chúng ta đều thấy có sự thống nhất rằng: phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức hoạt động của giáo viên/ giảng viên và học sinh/ sinh viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học.

Phương pháp dạy học là cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy học. Cách thức hành động bao giờ cũng diễn ra trong những hình thức cụ thể. Cách thức và hình thức không tách nhau một cách độc lập.

Phương pháp dạy học là lĩnh vực rất phức tạp và đa dạng. Có nhiều quan niệm, quan điểm khác nhau về phương pháp dạy học.

Trong tài liệu này, phương pháp dạy học được hiểu là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa giảng viên và sinh viên, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích dạy học.

Phương pháp dạy học có ba bình diện:

- Bình diện vĩ mô là quan điểm về phương pháp dạy học. Ví dụ: Dạy học hướng vào người học, dạy học phát huy tính tích cực của sinh viên,...

Quan điểm dạy học là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa các nguyên tắc dạy học, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng về vai trò của giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy học. Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của phương pháp dạy học.

- Bình diện trung gian là phương pháp dạy học cụ thể. Ví dụ: phương pháp đóng vai, thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, xử lý tình huống, trò chơi,... Ở bình diện này, khái niệm phương pháp dạy học được hiểu với nghĩa hẹp, là những hình thức, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể, phương pháp dạy học cụ thể quy định những mô hình hành động của giảng viên và sinh viên. Trong mô hình này thường không có sự phân biệt giữa phương pháp dạy học và hình thức dạy học. Các hình thức tổ chức hay hình thức xã hội (như dạy học theo nhóm) cũng được gọi là các phương pháp dạy học.

- Bình diện vi mô là kỹ thuật dạy học. Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giảng viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Ví dụ: kỹ thuật chia nhóm, kỹ thuật giao nhiệm vụ, kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật các mảnh ghép, kỹ thuật hỏi chuyên gia, kỹ thuật hoàn tất một nhiệm vụ,...

Các kỹ thuật dạy học chưa phải là các phương pháp dạy học độc lập mà là những thành phần của phương pháp dạy học. Ví dụ, trong phương pháp thảo luận nhóm có các kỹ thuật dạy học như: kỹ thuật chia nhóm,

kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật các mảnh ghép,...

Tóm lại, quan điểm dạy học là khái niệm rộng, định hướng cho việc lựa chọn các phương pháp dạy học cụ thể. Các phương pháp dạy học là khái niệm hẹp hơn, đưa ra mô hình hành động. Kỹ thuật dạy học là khái niệm nhỏ nhất, thực hiện các tình huống hành động.

Cần chú ý một số vấn đề sau:

- Mỗi quan điểm dạy học có những phương pháp dạy học cụ thể phù hợp với nó; mỗi phương pháp dạy học cụ thể có các kỹ thuật dạy học đặc thù. Tuy nhiên, có những phương pháp dạy học cụ thể phù hợp với nhiều quan điểm dạy học, cũng như có những kỹ thuật dạy học được sử dụng trong nhiều phương pháp dạy học khác nhau. (Ví dụ: kỹ thuật đặt câu hỏi được dùng cho cả phương pháp đàm thoại và phương pháp thảo luận).

- Việc phân biệt giữa phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học chỉ mang tính tương đối, nhiều khi không rõ ràng. Ví dụ, động não (Brainstorming) có trường hợp được coi là phương pháp, có trường hợp lại được coi là một kỹ thuật dạy học.

- Có những phương pháp dạy học chung cho nhiều môn học, nhưng có những phương pháp dạy học đặc thù của từng môn học hoặc nhóm môn học.

- Có thể có nhiều tên gọi khác nhau cho một phương pháp dạy học hoặc kỹ thuật dạy học. Ví dụ: Brainstorming có người gọi là động não, có người gọi là công não hoặc tấn công não,...

Bảng 1.1. Một số phương pháp dạy học cơ bản

Thuyết trình	Mô phỏng
Đàm thoại	Thảo luận về tương lai
Tình huống	Phương pháp điều phối
Làm mẫu	Nhiệm vụ thiết kế
Luyện tập	Nhiệm vụ phân tích
Thực nghiệm	Phương pháp văn bản hướng dẫn
Thảo luận	Học theo chặng
Nghiên cứu trường hợp	Khám phá trên mạng (WebQuest)
Trò chơi	Học thông qua dạy
Đóng vai	Dạy học vi mô
...	...

1.2. Phương pháp dạy học tình huống

1.2.1. Bản chất dạy học tình huống

Việc nghiên cứu tìm ra những phương pháp dạy học thích hợp khắc phục tính một chiều của hình thức dạy học thuyết giảng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động,

sáng tạo của người học đã được đề cập từ rất lâu trong lịch sử giáo dục. Nhiều nhà nghiên cứu lý luận dạy học thuộc trường phái khác nhau trên thế giới đã đưa ra mô hình lý luận dạy học khác nhau tương thích với mục đích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quan điểm của trường phái đó. Nhưng tất cả đều nhằm mục đích nghiên cứu hình thành lên một lý luận phục vụ hoạt động dạy và học. Mỗi mô hình lý luận dạy học có một bản chất riêng của nó.

Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt và sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Những yêu cầu về kinh nghiệm, kỹ năng sống đối với sinh viên là một thách thức đối với việc giáo dục - đào tạo tại các nhà trường. Phương pháp tình huống (Case Study Method) tỏ ra khá hiệu quả trong việc đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn.

Phương pháp dạy học bằng tình huống lần đầu được phát triển tại Đại học MacMaster, Hamilton, Canada từ đầu thế kỷ XX. Việc sử dụng các tình huống như một phương pháp giảng dạy mới trong khoa học xã hội được phát triển bởi nhà xã hội học Bary Glaser và Anselm Strauss vào năm 1967. Tuy nhiên, phương pháp dạy học tình huống chỉ được áp dụng phổ biến trong vài thập niên gần đây, nhất là trong lĩnh vực giảng dạy pháp luật và giảng dạy kinh doanh.

Hiện nay, trong khoa học giáo dục có nhiều cách định nghĩa khác nhau về tình huống: Tình huống là những câu chuyện thực tế với những thông điệp nhằm mục đích giáo dục. Tình huống là những thông tin trong đó có chứa đựng mâu thuẫn nhận thức (muốn biết mà chưa biết) không thể giải quyết chỉ bằng sự tái hiện. Theo Từ điển Tiếng Việt, “Tình huống: Tình trạng và cảnh huống”.

“Tình huống là một sự kiện có thực trong đời sống xã hội với những đặc trưng vật lý, sinh lý, tâm lý và xã hội”. Con người luôn luôn sống trong những tình huống nhất định, thường xuyên phải đối mặt và chịu sự tác động của những tình huống đó; có những tình huống đơn giản xảy ra trong sinh hoạt, trong giao tiếp hằng ngày và có những tình huống phức tạp trong hoạt động nghề nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học...

“Ở mức độ phổ quát nhất thì mọi tình huống đều có giá trị dạy học, bởi lẽ bất kỳ tình huống nào cũng đều hàm chứa những tri thức về các sự kiện, tri thức về kỹ năng và phương pháp giải quyết chúng”. Tuy nhiên, dạy học không phải là một quá trình tự phát mà là một hoạt động có chủ đích, vì vậy một tình huống thông thường chưa phải là một tình huống dạy học, nó chỉ trở thành tình huống dạy học khi được giáo viên sử dụng với dụng ý tạo ra môi trường làm việc cho học sinh, và khi học sinh giải quyết tình huống sẽ đạt được mục tiêu dạy học.

Tình huống cũng có thể hiểu là một hoàn cảnh diễn ra trong thực tế, trong đó chứa đựng những mâu thuẫn xung đột, mà người ta phải đưa ra một quyết định trên cơ sở cân nhắc các phương án khác nhau. Tình huống cũng có thể là một hoàn cảnh gắn với câu chuyện, nhân vật có chứa xung đột, có tính phức hợp được viết ra để minh chứng cho một vấn đề trong cuộc sống.

Dạy học tình huống được ra đời dựa trên thuyết kiến tạo của J.Piaget và quan điểm giáo dục: “Giáo dục là sự chuẩn bị cho người học vào việc giải quyết các tình huống của cuộc sống” (Soul B.Robinsoln, 1967).

Dạy học theo tình huống là phương pháp dạy học, trong đó việc dạy và học được tổ chức theo những chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thật của cuộc sống và nghề nghiệp. Quá trình dạy học được tổ chức trong môi trường tạo điều kiện kiến tạo tri thức. Phương pháp tình huống (hay còn gọi là phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình) là một phương pháp dạy học, trong đó học sinh tự lực nghiên cứu một tình huống thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra.

Phương pháp dạy học tình huống là một phương pháp đặc thù của dạy học giải quyết vấn đề theo tình huống, ở đó, các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Như đã nói ở trên, trường hợp được nêu ra trong dạy học là những tình huống dạy học điển hình và quá

trình người học nghiên cứu trường hợp cũng chính là quá trình hiểu và vận dụng tri thức. Quá trình dạy học bằng phương pháp tình huống luôn đặt ra yêu cầu học sinh phải tìm tòi, suy nghĩ. “Điều quan trọng đối với giáo viên là phải cung cấp các tình huống đa dạng, các khía cạnh lý thú của một kỹ năng cụ thể cũng như các mục rèn luyện lý thú, các tình huống trong đó học sinh có thể sử dụng kỹ năng hay kiến thức trong các giai đoạn học tập khác, các mục rèn luyện có liên hệ với những kinh nghiệm và hứng thú của học sinh...”.

Theo PGS.TS. Phan Trọng Ngọ: “Phương pháp dạy học bằng tình huống là giáo viên cung cấp cho học viên tình huống dạy học. Học viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đó. Kết quả là học viên thu nhận được các tri thức khoa học, thái độ và các kỹ năng hành động (trí óc và thực tiễn) sau khi giải quyết tình huống đã cho”. Theo PGS.TS Trịnh Văn Biều: “Dạy học tình huống là một phương pháp được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học được kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập”.

Theo TS. Nguyễn Văn Cường: “Dạy học tình huống là một quan điểm dạy học, trong đó việc dạy học được tổ chức theo một chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp. Quá trình học tập

được tổ chức trong một môi trường học tập tạo điều kiện cho học sinh kiến tạo tri thức theo cá nhân và trong mối tương tác xã hội của việc học tập”. Theo Nguyễn Hữu Lam, “phương pháp tình huống là một kỹ thuật giảng dạy, trong đó các thành tố chủ yếu của nghiên cứu tình huống được trình bày với những người học với các mục đích minh họa hoặc các kinh nghiệm giải quyết vấn đề”.

Phương pháp dạy học bằng tình huống là đưa ra các tình huống (có thật hoặc hư cấu) chứa đựng nội dung bài giảng để sinh viên có bối cảnh trải nghiệm, có điều kiện đưa ra các ý kiến cá nhân, qua đó phát huy tính tích cực của sinh viên trong việc tự phân tích tìm đường đi đến chân lý. Phương pháp tình huống thuyết phục sinh viên bằng chính kinh nghiệm và những suy luận cá nhân rút ra sau khi tham gia vào tình huống. Do đó, những tri thức, kỹ năng, tình cảm, thái độ mà sinh viên thu nhận được trở thành của chính họ, do họ tự nhận thức, không bị áp đặt bởi giáo viên.

Người thầy giáo trước lớp cũng như người chỉ huy trong chiến đấu, luôn phải quan sát đối phương và diễn biến chiến trường để ra các mệnh lệnh chiến đấu chứ không thể dựa vào bản kế hoạch tác chiến đã vạch sẵn trước khi xảy ra chiến sự. Trong thực tế người thầy giáo giỏi đã làm như thế để có được những giờ học thành công. Họ đã thực hiện theo tinh thần dạy học tình huống.

Đó là một trong những bí quyết quan trọng của nghệ thuật sư phạm mà các sinh viên và thầy giáo trẻ nên lưu ý học tập.

Vậy bản chất của dạy học tình huống là dạy học gắn liền với thực tiễn, dạy học trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể và luôn biến động.

Tình huống không phải là những trường hợp bất kỳ trong thực tế mà là những tình huống đã được điều chỉnh, nghiên cứu kỹ lưỡng để mang tính điển hình và phục vụ tốt cho mục đích và mục tiêu giáo dục, tức là giúp cho người học có thể hiểu và vận dụng tri thức cũng như rèn luyện được các kỹ năng và kỹ xảo. Tình huống được sử dụng để khiêu khích người học phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình để qua đó, từng bước chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế. Tình huống yêu cầu người đọc phải từng bước nhập vai người ra quyết định cụ thể.

1.2.2. Phân loại dạy học tình huống

Trên thực tế, có rất nhiều loại tình huống cũng như cách thức phân loại chúng. Có thể phân thành các loại sau:

- *Tình huống lớn (tình huống chi tiết)*

Loại tình huống này chúng chú trọng tới việc quyết định được đưa ra là gì, ai là người đưa ra quyết định đó

và tầm ảnh hưởng của những quyết định ấy tới những tầng lớp, đảng phái, bộ phận trong xã hội ra sao... Người học đọc trước toàn bộ tình huống (thường thì theo cá nhân) và chuẩn bị một bản phân tích về những quyết định có thể đưa ra. Tình huống sau đó sẽ được thảo luận trong lớp theo từng nhóm lớn, dưới sự điều phối của giáo viên. Tình huống có thể sẽ được thảo luận trong một, nhiều buổi học hay thậm chí là trong suốt cả khóa học.

- Tình huống mô tả

Loại tình huống này thường được sử dụng trong việc giảng dạy y khoa và thường không có ranh giới rõ ràng giữa câu trả lời đúng và sai. Những tình huống thuộc loại này có thể kéo dài đến 5 trang, mỗi trang bao gồm một vài đoạn văn. Loại tình huống này thường được đưa ra thảo luận trong một vài buổi học. Nếu được tiến hành trong nhiều buổi học thì ở mỗi buổi, tình huống được triển khai đến cho sinh viên theo những khía cạnh khác nhau và giáo viên có vai trò hướng dẫn, yêu cầu sinh viên giải thích và minh chứng cho những ý tưởng của mình.

Người học trước tiên sẽ làm việc trong nhóm nhỏ để phân tích, mổ xẻ tình huống nhằm xác định những dữ kiện đã biết và những yếu tố chưa biết. Họ đặt ra các giả thuyết cũng như những mục tiêu tìm hiểu đối với từng phần của tình huống. Giữa các buổi lên lớp, người học sẽ phải tìm kiếm thông tin nhằm phân tích và giải quyết tình huống; mục đích buổi học sẽ được đề cập sau khi

tình huống được giải quyết và thảo luận. Học theo cách này, người học có sự chủ động cao mà không phải bỏ buộc vào bất cứ một nhóm các câu hỏi nào cả.

- Tình huống nhỏ

Đây là loại tình huống ngắn gọn, được trình bày trong 1 đến 2 đoạn văn. Loại tình huống này có thể được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Chủ yếu nó được thiết kế để sử dụng trong một buổi học và do vậy, có nội dung tương đối cô đọng và súc tích. Nó có thể được sử dụng để giáo viên dẫn dắt vào bài, học kết bài để giúp người học áp dụng lý thuyết vào thực tiễn hay đơn giản chỉ là một hoạt động ngắn ở trước hay sau buổi học để “thiết thực hóa” nội dung lý thuyết đã giảng dạy.

- Tình huống trực tiếp

Trong phương pháp này, tình huống có thể dài hay ngắn tùy ý, nhưng ngay sau tình huống sẽ là những câu hỏi trực tiếp để dẫn dắt người học giải quyết vấn đề.

- Tình huống hạt nhân

Loại tình huống này chỉ bao gồm hai hay ba câu và nhằm truyền tải một nội dung đơn nhất. Loại tình huống này chủ yếu nhằm khơi gợi và dẫn dắt vào bài

- Tình huống lựa chọn

Loại tình huống này gần với dạng câu hỏi trắc nghiệm, nhưng cũng có ngữ cảnh và tình huống rõ ràng. Người học có nhiệm vụ chọn ra phương pháp giải quyết

hợp lý nhất trong 4 - 5 phương án được đề ra. Không chỉ áp dụng trong những bài kiểm tra, loại tình huống này còn có thể được sử dụng trong thảo luận. Ở đó, mỗi nhóm phải bàn luận và chọn lấy một giải pháp và sẵn sàng bảo vệ cho những luận điểm và lựa chọn của nhóm mình. Trên thực tế, không nên tranh cãi “Đâu là loại tình huống tốt nhất?” vì không có tình huống nào là tối ưu cho mọi hoàn cảnh, tùy vào những hoàn cảnh khác nhau, người dạy và người học có thể lựa chọn loại tình huống thích hợp nhất cho tiết học của mình.

- Tình huống tại sao

Tình huống này xuất hiện khi người học gặp phải những hiện tượng, sự kiện nào đó. Tình huống “tại sao” có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Có khi nó gắn liền với một câu chuyện, một clip liên quan và từ đó rút ra bài học cho sinh viên. Trả lời câu hỏi tại sao, đồng thời rút ra được thông điệp cho người học

1.2.3. Ưu điểm, nhược điểm của dạy học tình huống

1.2.3.1. Ưu điểm của dạy học tình huống

Thứ nhất, nâng cao tính thực tiễn của môn học. Gắn lý luận với thực tiễn. Sau khi đã được cung cấp các kiến thức lý thuyết, một bài tập tình huống sẽ giúp sinh viên có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học. Thông qua việc xử lý tình huống, sinh viên sẽ có

điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết và giúp cho người học nhớ sâu hơn kiến thức lý thuyết.

Thứ hai, giúp nâng cao tính chủ động, sáng tạo và sự hứng thú của sinh viên trong quá trình học. làm mềm hóa bài giảng, nhất là đối với những môn lý thuyết khô cứng. khi được giao các bài tập tình huống, các nhóm phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đi đến giải pháp cho tình huống. Để đáp ứng được yêu cầu này, sinh viên phải chủ động tư duy, thảo luận - tranh luận trong nhóm hay với giảng viên, tìm hiểu thêm về lý thuyết, tài liệu tham khảo để tìm giải pháp hoặc câu trả lời.

Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của sinh viên. Đây chính là lúc quá trình dạy và học tập trung vào học phương pháp học, phương pháp tiếp cận, phân tích và tìm giải pháp chứ không chỉ giới hạn ở việc học các nội dung cụ thể. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của người học. Bên cạnh đó, dạy học bằng tình huống còn giúp người học có thể chia sẻ tri thức, kinh nghiệm cho nhau; học được những ý kiến, quan điểm, thông tin từ những bạn học khác làm phong phú hơn vốn tri thức của họ.

Thứ ba, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông. Để giải quyết tình huống,

sinh viên được yêu cầu làm việc trong nhóm từ 4 - 6 thành viên. Cả nhóm cùng phân tích và thảo luận để đi đến giải pháp, sau đó trình bày giải pháp của mình cho cả lớp. Lúc này sinh viên tiếp thu được kinh nghiệm làm việc theo nhóm, chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt đến mục tiêu chung. Phương pháp học bằng tình huống cũng giúp người học phát triển các kỹ năng phát biểu trước đám đông một cách khúc chiết, mạch lạc, dễ hiểu; phân tích vấn đề một cách logic; hiểu biết thực tế sâu rộng, biết vận dụng linh hoạt lý thuyết để giải quyết các tình huống thực tế; biết phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân, đồng thời có khả năng thương lượng và dễ dàng chấp nhận các ý kiến khác biệt, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác để làm phong phú hơn vốn kiến thức của mình.

Học bằng tình huống giúp người học dễ dàng nhận ra những ưu điểm và hạn chế của bản thân khi họ luôn có môi trường thuận lợi để so sánh với các học viên khác trong quá trình giải quyết tình huống.

Thứ tư, dạy và học bằng tình huống giúp người học có cơ hội để liên kết, vận dụng các kiến thức đã học được để giải quyết một tình huống trong thực tế. Đây chính là lúc các lý thuyết rời rạc của một môn học được nối lại thành bức tranh tổng thể. Ở mức độ ứng dụng cao hơn, người học không chỉ vận dụng kiến thức của một môn học mà trong nhiều trường hợp phải vận dụng kiến thức

của nhiều môn học khác nhau, từ đó giúp sinh viên sâu chuỗi và ôn lại được kiến thức một cách dễ dàng. đồng thời, nghiên cứu tình huống giúp người học có thể phát hiện ra những vấn đề cuộc sống đặt ra nhưng chưa có căn cứ pháp lý hoặc cơ sở lý thuyết để áp dụng giải quyết.

1.2.3.2. Nhược điểm khi sử dụng phương pháp tình huống

Thứ nhất, sử dụng phương pháp giảng dạy tình huống đòi hỏi giảng viên cần phải lựa chọn được tình huống tốt, có tính giáo dục, tính thực tiễn cao nhưng phải vừa sức với người học, phải dễ tiếp cận. Việc này tốn nhiều thời gian của giảng viên. Việc tổ chức lớp học tham gia nghiên cứu tình huống cần được chuẩn bị kỹ.

Giảng viên đưa ra câu hỏi cần bám sát với nội dung bài giảng nhưng không được đi ngay vào trọng tâm, vì kết luận và hướng người học vào phần trọng tâm sẽ được giảng viên thực hiện vào phần cuối cùng của buổi nghiên cứu tình huống. Việc quản lý và theo dõi tiến độ làm việc của các nhóm khá khó khăn, đòi hỏi tốn nhiều thời gian và công sức.

Thứ hai, phương pháp này đòi hỏi giảng viên phải luôn đổi mới, cập nhật các thông tin, kiến thức và kỹ năng mới. Để có những bài tập tình huống thực tế, sát với điều kiện, hoàn cảnh mới của xã hội, giảng viên phải đầu tư thời gian và trí tuệ để tiếp cận thực tiễn, trên cơ sở đó mới có thể thu thập hay xây dựng được các tình huống mới.

Thứ ba, phương pháp dạy học tình huống đòi hỏi thực hiện những kỹ năng khá phức tạp trong giảng dạy, kỹ năng tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích người học tranh luận, dẫn dắt mạch thảo luận, nhận xét, phản biện. Đây thật sự là những thách thức lớn đối với giảng viên nhất là giảng viên trẻ.

Nếu sử dụng quá liều sẽ làm giảm hiệu quả việc tiếp thu các tri thức lý thuyết và làm người học nhiều khi lầm tưởng rằng thực tế luôn luôn diễn ra đúng như những tình huống cụ thể đã được học.

Thứ tư, môi trường, điều kiện vật chất. Đây là các thách thức khách quan, bao gồm các yếu tố về điều kiện trang bị vật chất, quy mô lớp học, sự hợp tác của các tổ chức xã hội trong quá trình cung cấp thông tin. Quy mô lớp học đông người không thể đảm bảo tổ chức thảo luận một cách hiệu quả. Để buổi thảo luận có chất lượng, người học phải tự trang bị các kiến thức lý thuyết và thông tin liên quan trước khi lên lớp. Điều này đòi hỏi có thời gian và các phương tiện học tập như: thư viện, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, internet...

1.2.4. Vai trò của giảng viên trong dạy học tình huống

Việc học tập trong thời đại công nghệ số và mạng internet vượt qua sự giới hạn về không gian, thời gian. Đáp ứng những yêu cầu của con người trong thời đại 4.0, đòi hỏi giáo dục - đào tạo phải tạo ra được những con người

năng động, tự lập, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, nhất là phải tạo điều kiện để phát huy tối đa óc sáng tạo của mỗi cá nhân.

Sứ mạng của nhà trường, của thầy cô là phải thông qua giáo dục mà đánh thức cái tiềm năng trong mỗi sinh viên, khơi dậy và phát triển cái nội lực đó của họ. Sứ mạng đó thật cao quý và quan trọng. Thầy cô không chỉ dạy cho sinh viên kiến thức chuyên môn, mà còn phải từng bước dạy cho sinh viên biết tự học, tự đọc sách, tìm tòi, tra cứu, phát hiện ra điều mới, nghiên cứu thì tập dượt sáng tạo ra tri thức mới.

Xây dựng, lựa chọn một hệ thống tình huống có tính khoa học, thiết thực, hấp dẫn giá trị đích thực của tình huống là ở nội dung tình huống. Cho dù người dạy có vận dụng tốt mọi kỹ năng, kỹ xảo để dẫn dắt, tổ chức, điều khiển người học tham gia vào tình huống. Do đó, người dạy cần lựa chọn, sàng lọc một cách kỹ lưỡng.

Chuẩn bị tốt các câu hỏi dẫn dắt gợi mở khi đưa ra tình huống, câu hỏi dẫn dắt gợi mở là hết sức quan trọng, nhiều khi là một trong những yếu tố quyết định chất lượng của tình huống và khả năng lĩnh hội kiến thức của người học.

Khai thác tính “vấn đề” của tình huống một cách khéo léo. Vấn đề là trung tâm, là hạt nhân của tình huống. Vấn đề phải do chính bản thân tình huống gợi ra, khiêu khích

và đòi hỏi người học phải tìm tòi, suy nghĩ, phân tích, so sánh, đánh giá để giải quyết tình huống. Tình huống phải bộc lộ mâu thuẫn giữa thực tiễn với trình độ nhận thức, chủ thể phải ý thức được khó khăn trong tư duy hoặc trong hành động mà vốn hiểu biết đã có chưa đủ để vượt qua. Tình huống càng mâu thuẫn, càng gây khó khăn, trở ngại giữa cái đã biết và cái phải tìm sẽ càng kích thích tư duy của chủ thể nhận thức. Khai thác tính “vấn đề” của tình huống là cả một nghệ thuật, đòi hỏi cao ở sự khéo léo và linh hoạt của người dạy.

Phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo của người học, tạo điều kiện cho người học hoạt động. Người học phải tự mình vượt qua các khó khăn, chướng ngại về nhận thức đưa ra giả thuyết, kiểm nghiệm giả thuyết, hệ thống và điều chỉnh lại toàn bộ tri thức đã có để tìm ra lời giải của tình huống và thu được tri thức mới cho bản thân. Người dạy chỉ đóng vai trò tổ chức, điều khiển, gợi ý và đưa ra kết luận cuối cùng.

Dẫn dắt điều khiển sinh viên một cách khéo léo, sử dụng thời gian hợp lý, chủ động trong việc dẫn dắt điều khiển của người dạy đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp cho giờ dạy lôi cuốn, sinh động, tiết kiệm được thời gian. Người dạy phải biết phân bố thời gian hợp lý, xoáy vào trọng tâm của tình huống, gỡ thắt nút của tình huống đúng thời điểm, không để có thời gian chết,

không để cho người học từ tâm trạng háo hức muốn tìm ra lời giải đáp chuyển sang bế tắc, chán nản.

Nâng cao năng lực sư phạm của người dạy Có một kiến thức sâu rộng về chuyên môn là tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu của một người dạy giỏi. Kiến thức là một kho báu không bao giờ cạn và người biết trân trọng, tích lũy nó sẽ là người giàu có vô hạn. Người dạy có một vốn sống, vốn từ phong phú có thể dùng ngôn ngữ để truyền tải thông tin đến người học một cách dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả. Đặc biệt, trong dạy học tình huống, người dạy phải tự trang bị cho mình thật nhiều kinh nghiệm thì mới có thể xây dựng được những tình huống thật đắt, thật hấp dẫn, có khả năng lôi cuốn người học tập trung tham gia giải đáp. Để có được điều này, người dạy cần: Thu thập, cập nhật thường xuyên thông tin từ sách tư liệu, mạng internet, các bài báo, tạp chí có uy tín. Tổng kết và xây dựng ngân hàng tình huống chung giữa các giảng viên cùng một môn học trong một trường, giữa các trường với nhau. Liên hệ, tham khảo ý kiến của các giảng viên bộ môn khác nhằm phục vụ cho những tình huống có kiến thức liên môn. Tích lũy những ý tưởng, thắc mắc của người học về sự vật, hiện tượng xảy ra xung quanh đời sống của họ để xây dựng những tình huống thiết thực, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của các em.

Người dạy nên luyện tập để có được giọng nói truyền cảm, có thể dùng ngữ điệu bổng trầm, ngôn ngữ trong sáng, hấp dẫn, lý thú kết hợp với vốn sống, vốn từ phong phú dẫn dắt tình huống.

Phát huy tối đa hiệu quả của các phương tiện dạy học Các phương tiện trực quan, các phương tiện kỹ thuật dạy học và thí nghiệm nhà trường đóng vai trò rất lớn trong quá trình dạy học. Phương tiện dạy học làm sinh động nội dung học tập; phát triển năng lực nhận thức, đặc biệt là năng lực quan sát, năng lực tư duy của người học; nâng cao hứng thú, lòng tin của người học vào khoa học hóa học; đồng thời tiết kiệm được thời gian trình bày, diễn giảng.

Chương 2

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC

2.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị

2.1.1. Các môn lý luận chính trị ở bậc đại học theo chương trình mới

Ngày 28/3/2014, Ban Bí thư đã có Kết luận số 94 KL/TW về “Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”. Theo đó, việc đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Thực hiện kết luận đó, ngày 19/7/2019 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành

Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH hướng dẫn thực hiện chương trình các môn lý luận chính trị theo giáo trình mới. Trong Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH, Bộ Giáo dục và Đào tạo định hướng: Khuyến khích hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu trước, chỉ giảng những vấn đề cơ bản và sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Thực hiện Quyết định số 494/QĐ-TTg, ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Một số biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng, môn Chính trị trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề”; căn cứ biên bản họp ngày 11/8/2008 của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình các môn lý luận chính trị; căn cứ ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương tại Công văn số 2450-CV/BTGTW, ngày 25/8/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 về ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm 3 môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (5 tín chỉ); Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ); Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ). Việc tổ chức dạy học các môn lý luận chính trị theo 3 môn

nêu trên đã góp phần vào việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ sinh viên trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, dạy học các môn lý luận chính trị theo 3 môn cũng bộc lộ một số hạn chế. Đối với các môn lý luận chính trị còn lại, việc chiêu sinh rất khó khăn (trước đây sinh viên theo học các môn này để ra trường làm công tác giảng dạy đại học; nay do không còn các môn này nên họ không theo học).

Việc phân công giảng viên được đào tạo từng chuyên ngành trong 3 môn trước đây là: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học bây giờ phải đảm nhiệm dạy môn “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin”, nội dung cơ bản là gộp ba môn trên lại một, làm cho chất lượng bài giảng giảm sút, người giảng e ngại, không tự tin. Bên cạnh đó, giữa các chương trình trong hệ thống giáo dục quốc dân chưa có sự liên thông, một số nội dung còn trùng lặp giữa các cấp học, bậc học. Quy định về trình độ lý luận chính trị chưa có sự thống nhất giữa hệ thống giáo dục quốc dân với hệ thống giáo dục của Đảng, đoàn thể, hệ thống giáo dục trong quân đội và công an.

Đặc biệt là không có sự phân biệt giữa sinh viên chuyên ngành lý luận chính trị với sinh viên không chuyên lý luận chính trị. Hệ chuyên ngành lý luận chính trị cũng chỉ học chương trình các môn lý luận chính trị như đối với hệ

không chuyên... Do đó, cần khẩn trương khắc phục để phù hợp với bối cảnh mới của sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số.

Trong bối cảnh đó, trên cơ sở rà soát đánh giá kết quả triển khai Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 và tinh thần đổi mới phát triển kinh tế - xã hội, Ban Bí thư đã có Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 về “Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được giao nhiệm vụ tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị dùng chung trong đào tạo trình độ đại học đối với tất cả các cơ sở giáo dục đại học.

Nội dung cơ bản của Kết luận số 94-KL/TW là đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ ta.

Học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân là giáo dục những vấn đề cơ bản nhất của

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng; sát với thực tiễn, không máy móc, giáo điều, khô cứng; gắn với chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Các vấn đề đến nay không còn phù hợp thì không đưa vào nội dung học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy và người học; người học thích đọc hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy có hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn. Nội dung chương trình học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân phải tập trung xây dựng cho tốt, phù hợp cho từng đối tượng học, từng cấp học, bậc học từ thấp đến cao. Phân định rõ nội dung học tập lý luận chính trị ở từng cấp học, bậc học, tránh trùng lặp, học đi học lại nhiều lần ở nhiều cấp học; đồng thời, bảo đảm tính liên thông.

Đối với sinh viên đại học, phải xây dựng thành các bài giảng chung, tổng hợp về các vấn đề cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác - Lênin, trọng tâm là về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng hiện nay. Riêng sinh viên đại học chuyên ngành Lý luận chính trị, cần học tập các môn lý luận chính trị sâu rộng, đầy đủ

hơn, phù hợp với yêu cầu đào tạo. Sau khi rà soát, cấu trúc lại, chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị mới đã được biên soạn và được Hội đồng thẩm định quốc gia thông qua bao gồm 5 môn: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đặc biệt, chương trình mới đã tăng cường thời lượng, số lượng tín chỉ và có sự phân biệt về thời lượng, số lượng tín chỉ giữa chương trình đào tạo ngành không chuyên và ngành chuyên về lý luận chính trị, đây là điểm mới so với chương trình cũ. Cụ thể, chương trình các môn lý luận chính trị trong các chương trình đào tạo của ngành không chuyên về lý luận chính trị sẽ bao gồm 11 tín chỉ: Triết học Mác - Lênin: 3 tín chỉ; Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 tín chỉ; Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ; Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ.

Chương trình các môn lý luận chính trị trong các chương trình đào tạo của ngành chuyên về lý luận chính trị sẽ bao gồm 14 tín chỉ: Triết học Mác - Lênin: 4 tín chỉ; Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 3 tín chỉ; Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ; Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 tín chỉ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên cơ hữu các môn lý

luận chính trị đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình mới, giáo trình mới và nhu cầu thực tế của cơ sở đào tạo. Thực hiện nghiêm túc cấu trúc chương trình các môn lý luận chính trị đã được nghiệm thu; điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành trước khi tổ chức triển khai đào tạo từ khoá tuyển sinh năm 2019 - 2020. Để bảo đảm chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị theo chương trình mới, giáo trình mới, trên cơ sở các quy định hiện hành về các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học cần quy định cụ thể về tỷ lệ giảng viên các môn trên tổng số sinh viên theo học; thời gian giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên các môn lý luận chính trị. Đồng thời, xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể các môn lý luận chính trị trong toàn khóa học theo quy định của chương trình các môn lý luận chính trị được phê duyệt, phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên và đảm bảo tính logic của kiến thức giữa các môn học lý luận chính trị.

2.1.2. Phương châm đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học

Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số với phương châm sau:

2.1.1.1. Lý luận phải gắn chặt với thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng và phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm hài hòa giữa trước mắt với lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, trước mắt, tập trung nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định, phát triển các chủ trương, đường lối lớn của Đảng; đồng thời, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển công tác lý luận đáp ứng yêu cầu khi Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2.1.1.2. Coi trọng việc xây dựng môi trường dân chủ đi đôi với nêu cao trách nhiệm chính trị của tổ chức và cá nhân hoạt động lý luận. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; nâng cao năng lực và chất lượng dự báo, định hướng nghiên cứu trong từng thời kỳ.

2.1.1.3. Kiên trì thế giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; đồng thời, tiếp thu các thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại. Nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; uốn nắn những nhận thức lệch lạc.

2.1.1.4. Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; chỉ rõ vấn đề cần bổ sung, phát triển.

Tiếp tục nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ sự bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh. Tập trung đi sâu nghiên cứu những giá trị văn hóa truyền thống, những bài học kinh nghiệm về lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.

2.1.1.5. Đối với những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiếp tục mở rộng và đi sâu nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng và tiếp thu những giá trị tiến bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc. Tiếp tục làm rõ nguyên tắc tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và phát huy dân chủ xã hội; về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; về tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, chống suy thoái tư tưởng chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

2.1.1.6. Nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh những luận cứ khoa học làm cơ sở hoạch định đường lối, chính sách của Đảng. Đi sâu nghiên cứu hệ thống quan điểm

về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam; về các mối quan hệ lớn được nêu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về phát triển kinh tế tri thức; về hội nhập quốc tế; về phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội.

Xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực để phát triển đất nước, văn hóa phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển văn hóa để xây dựng con người phát triển toàn diện; thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực sự coi trọng giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu; làm rõ sự biến đổi cơ cấu, giai tầng xã hội, xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, bảo đảm quyền con người.

Làm rõ mối quan hệ, kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh nhân dân; giữa độc lập dân tộc với hội nhập quốc tế; các vấn đề về an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống. Dự báo những xu thế lớn của khu vực và thế giới, thời cơ,

thuận lợi cũng như thách thức tác động tới công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, việc biên soạn chương trình mới các môn lý luận chính trị, trong đó nhấn mạnh về đổi mới kết cấu nội dung chương trình là phù hợp với tình hình thực tiễn của xã hội và phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chương trình các môn lý luận chính trị mới đã được cơ cấu lại, bổ sung, phát triển và cập nhật nhiều nội dung mang tính thực tiễn cao, dung lượng kiến thức phải giảng dạy và học tập nhiều phù hợp cho từng đối tượng học, từng cấp học, bậc học từ thấp đến cao. Phân định rõ nội dung học tập lý luận chính trị ở từng cấp học, bậc học, tránh trùng lặp, học đi học lại nhiều lần ở nhiều cấp học; đồng thời, bảo đảm tính liên thông trong giáo dục đại học hiện nay.

2.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với giảng viên trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học

Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị theo chương trình mới yêu cầu đặt ra đối với giảng viên là:

2.1.3.1. Đào tạo con người có kỹ năng tư duy phản biện, năng lực sáng tạo, tự phát triển, thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Như Hồ Chí Minh nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”[8, tr.26]. Đảng ta đã đưa ra một chủ trương đúng đắn là coi “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ”[19, tr.114-115].

Theo tinh thần đó, một trong những sứ mạng của giáo dục và đào tạo là phát triển nguồn nhân lực, bởi suy cho cùng, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (2017) tại Hội thảo “Định hình và phát triển nền sản xuất công nghiệp thông minh trong tương lai” cho rằng: với sự phát triển bùng nổ của nền kinh tế số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức lớn đối với sự phát triển của từng quốc gia, mỗi cộng đồng, cá nhân và doanh nghiệp”. Thủ tướng đã giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiệm vụ nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy, tăng cường đào tạo những kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với những yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trước bối cảnh đó, đòi hỏi công tác giảng dạy các môn

lý luận chính trị cần phải có tầm nhìn chiến lược cũng như có các yêu cầu và kỹ năng phù hợp để chuẩn bị cho những thay đổi lớn, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.1.2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo chương trình mới phải xuất phát những chuyển biến của đời sống xã hội hiện tại

Bởi vì, học tập được xác định là học suốt đời, thì công tác giáo dục lý luận chính trị càng phải đổi mới phương pháp và sáng tạo không ngừng, phải cập nhật kiến thức đời sống mới trên nền tảng lý luận vững vàng để trở nên sinh động, hấp dẫn và thuyết phục với người học. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng tính chủ động cho người học, dành nhiều thời gian cho thảo luận, tự nghiên cứu, xử lý tình huống. Nội dung chương trình cập nhật những vấn đề mới phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn; đồng thời có sự chỉnh lý, bổ sung theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là xác định tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, “thu hút, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, khơi dậy sức sáng tạo”[21, tr.133].

2.1.2.3. Xác định giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và

hiện đại hóa cho cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số hiện nay

Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”[19, tr.201]. Do đó, nhiệm vụ của giảng viên là phải “giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề”[17, tr.110-111].

Trong thời đại ngày nay, giáo dục lý luận chính trị theo định hướng phát triển năng lực người học thể hiện sức sống của nó trong tiến trình nhân loại xây dựng một thế giới hòa bình và tiến bộ. Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới”[19, tr.126]. Lý luận Mác - Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là “kim chỉ nam”, là động lực tinh thần thúc đẩy công

cuộc đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”[19, tr.199], đưa đất nước ta tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

2.1.2.4. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo chương trình mới góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và phương pháp luận khoa học cho sinh viên

Sự hình thành và phát triển thế giới quan được coi là một trong những tiêu chí quan trọng của quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người. Nhân sinh quan cách mạng là hệ thống quan niệm về cuộc đời, về ý nghĩa mục đích cuộc sống của người cộng sản. Theo Hồ Chí Minh: “Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng. Vì vậy, các cô, các chú phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin, học tập đường lối, chính sách của Đảng; đồng thời phải học tập văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ”[12; tr. 113]. Khi học xong lý luận chính trị sẽ là tiền đề cho sinh viên xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng; xây dựng niềm tin khoa học, củng cố định hướng chính trị, tăng cường lập trường giai cấp vững vàng, giúp họ sống, lao động và học tập, kiên trì độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở bậc đại học

Giảng dạy Triết học Mác - Lênin nhằm cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin với những nội dung cụ thể như sau: Chương 1, trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Từ đó giúp sinh viên hiểu được khái lược về triết học. Hiểu được quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Hiểu được vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

Nắm được khái niệm, nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý, quy luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật. Khái niệm thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Hiểu được con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý; hiểu về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử như vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu được hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và vai trò của nó; Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người.

Triết học Mác - Lênin là môn học có một vị trí đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo đại học. Ngày nay, tình hình thế giới có nhiều biến đổi so với thời kỳ C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, đặc biệt là trước tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, vai trò của triết học Mác - Lênin không những không giảm đi mà trái lại ngày càng tăng lên bởi tính khoa học, tính cách mạng, tính phổ quát của nó trong nhận thức những vấn đề mới nảy sinh và cải tạo thực tiễn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi hoạt động của công tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học

ở đại học. Nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số và yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, cùng với các hoạt động khác, dạy và học triết học Mác - Lênin ở các trường đại học đòi hỏi phải có sự đổi mới, nâng tầm cả về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp, phương tiện. Đây là những vấn đề đặt ra cần nhận thức và giải quyết trên cơ sở khoa học. Với chức năng của mình, triết học Mác - Lênin cần góp phần luận giải bản chất và dự đoán về xu hướng phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Do đó, việc nghiên cứu, giảng dạy triết học Mác - Lênin hiện nay đang đặt ra những vấn đề cần phải quan tâm giải quyết.

Để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, một nhân tố quan trọng là cần quan tâm đến vấn đề giáo dục triết học Mác - Lênin trong các trường đại học. Bởi lẽ, triết học Mác - Lênin góp phần hình thành nhân sinh quan và thế giới quan duy vật biện chứng cho mọi người. Muốn vậy, cần đổi mới phương pháp giảng dạy môn học này trong các trường đại học nhằm phát huy tính sáng tạo, chủ động và hiệu quả của người học.

Môn Triết học Mác - Lênin đòi hỏi cả người dạy và người học phải có vốn tri thức phong phú về tự nhiên,

xã hội và tư duy. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet giúp cho giảng viên, sinh viên có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận với hệ thống tri thức khổng lồ về tự nhiên, xã hội và tư duy ở trong nước và trên thế giới, với nhiều cách tiếp cận khác nhau liên quan đến các nguyên lý, phạm trù, quy luật... của triết học Mác - Lênin. Kết nối với dữ liệu lớn còn giúp cung cấp hệ thống luận cứ, luận chứng khoa học phong phú phục vụ cho việc phân tích, giảng giải, chứng minh hoặc bác bỏ các luận điểm triết học Mác - Lênin. Thông qua sự phát triển của internet, nhiều hình thức, phương pháp giảng dạy và học tập mới xuất hiện như dạy trực tuyến, học trực tuyến... Giảng viên và sinh viên ngoài việc tương tác trực tiếp trên lớp học còn có thể kết nối với nhau thông qua internet với các dịch vụ như: Zoom, Google Meet, Email, Facebook, Zalo,... Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ mà cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đem lại cho ra đời nhiều phương tiện, kỹ thuật, phần mềm dạy học hiện đại. Giảng viên, sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Trong thời đại của nền kinh tế tri thức, trí tuệ được coi là sức mạnh hàng đầu, khẳng định vai trò, vị thế của mỗi quốc gia. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Do đó, bất kỳ quốc gia nào, ở giai đoạn phát triển nào, muốn thúc đẩy và phát triển kinh tế không thể không quan tâm và đầu tư cho giáo dục. Giáo dục và đào tạo trở thành

vấn đề sống còn của mỗi quốc gia, dân tộc. Người ta có thể nhìn thấy sự phát triển của một quốc gia trong tương lai khi nhìn vào giáo dục của quốc gia đó hôm nay. Do đó, giáo dục và đào tạo con người là yếu tố quyết định cho tương lai của mỗi quốc gia. Trong thời đại của khoa học - công nghệ hiện đại, của toàn cầu hóa, hội nhập và mở cửa những trào lưu và xu hướng tiến bộ đang bùng phát trên khắp thế giới thì tri thức triết học và tư duy triết học lại ngày càng có vai trò hết sức quan trọng.

Hiện nay, Đảng ta đang tiến hành chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, đẩy lùi tình trạng suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên cơ sở nền tảng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII là phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục triết học Mác - Lênin trong các trường đại học, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước hiện nay. Đổi mới phương pháp giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong các trường đại học nhằm phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học là yêu cầu tất yếu khách quan trong giai đoạn hiện nay.

Một trong những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng được Đảng ta đặc biệt quan tâm là

xây dựng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gắn với đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” thực chất là quá trình suy thoái bên trong mỗi con người, mỗi cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Đó là sự thay đổi từ lập trường, lối sống, lý tưởng cách mạng sang lập trường, quan điểm, lối sống của những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất. Lối sống của những phần tử đó ngày càng tinh vi, phức tạp, móc nối chằng chịt trên dưới, từ đó dẫn đến tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tràn lan. Cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là cuộc đấu tranh đòi hỏi mỗi người mà trước hết là mỗi cán bộ, đảng viên phải tự ý thức được và phải tự mình thường xuyên thực hiện nhằm đưa “chân, thiện, mỹ” và những giá trị nhân văn đích thực trở thành dòng chủ lưu trong Đảng và toàn xã hội.

Một trong những “nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân”. V.I. Lênin căn dặn những người cộng sản rằng, không ai có thể

đánh đổ được chúng ta, trừ chính những sai lầm của chúng ta. Do đó, để tránh được những sai lầm đó, nhằm cung cấp cho sinh viên thế giới quan và phương pháp luận khoa học định hướng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, giúp người học có thái độ đúng đắn với hiện thực, có khả năng phân tích, xử lý các vấn đề, xây dựng niềm tin khoa học vào lý tưởng cách mạng của Đảng, có lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, quán triệt sâu sắc và thực hiện triệt để đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng càng trở nên cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Việc đổi mới phương pháp, nội dung giảng dạy Triết học trong các trường đại học diễn ra thường xuyên, liên tục. Trong thời gian qua, việc dạy và học Triết học tại một số trường đại học mang tinh thần, hơi thở của công cuộc đổi mới, có những khởi sắc đáng kể trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số sâu rộng như hiện nay. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”[11, tr. 95]. Triết học ngày càng khẳng định được vị trí độc lập, giá trị phong phú, sâu rộng hơn trước, nội dung có những

điều chỉnh và cải tiến đáng kể. Trong kết cấu thời gian, một thời lượng đáng kể dành cho thảo luận được đặt ra. Nhờ hoạt động này mà phần đông sinh viên nhận rõ vai trò, tác dụng của Triết học. Tuy nhiên, trên thực tế, việc đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy Triết học trong các trường còn chưa thật sự đạt được kết quả cao như mong muốn. Người dạy đôi khi còn mang tính hình thức, người học chán học, học xong không nhớ nội dung kiến thức nên khó vận dụng vào trong thực tiễn đời sống. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan, từ chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy, thiết bị và điều kiện dạy học, tâm lý tiếp thu môn học và nhiều yếu tố khách quan khác.

Trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động hội nhập và giải quyết những yêu cầu mới đòi hỏi tất yếu phải thay đổi phương pháp giảng dạy. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở chúng ta “việc học tập lý luận của các đồng chí không phải nhằm biến các đồng chí thành những người lý luận suông, mà nhằm làm thế nào cho công tác của các đồng chí tốt hơn, nghĩa là các đồng chí phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta”[11, tr. 95].

Với chức năng là môn khoa học cung cấp thế giới quan và phương pháp luận cũng như tư duy biện chứng cho người học, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy Triết học là một yêu cầu bức thiết, một nhiệm vụ quan trọng.

Để chủ động nắm bắt cơ hội, vận dụng có hiệu quả vào quá trình giảng dạy Triết học Mác - Lênin ở các trường đại học, người giảng viên cần chủ động nhập cuộc với sự chuyển biến phương thức, hình thức đào tạo trước sự thay đổi của mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo. Hiện nay, mục tiêu đào tạo dịch chuyển từ việc đào tạo những “cái mình có” sang đào tạo những gì “sinh viên cần và sẽ cần”, đặc biệt chú trọng phát huy năng lực làm việc độc lập, năng lực hợp tác và năng lực sáng tạo của người học. Theo đó, xã hội đang có sự chuyển biến từ truyền thụ kiến thức qua khai phóng tiềm lực, năng lực, và động lực tiếp thu tri thức nói chung và Triết học Mác - Lênin nói riêng của sinh viên đào tạo. Để sinh viên đáp ứng tốt với công nghệ 4.0 thì nội dung, chương trình đào tạo ở bậc học các cấp, bên cạnh hệ thống kiến thức cơ bản đáp ứng chuyên môn, cần trang bị cho họ các kỹ năng không thể thiếu như: kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng liên kết giữa thế giới thực và ảo, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng hợp tác liên ngành. Để xây dựng “Đại học thông minh”, “Phòng học thông minh”, đòi hỏi các nhà trường, các khoa giáo viên cần phải làm tốt

công tác chuẩn bị để chuyển đổi phương thức, hình thức đào tạo mới, chủ động về nguồn lực tổ chức giảng dạy, đặc biệt là chất lượng đội ngũ giảng viên, xây dựng không gian học tập, số hóa cơ sở dữ liệu, học liệu, mô hình học cụ, cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học các môn khoa học và Triết học Mác - Lênin. Trong bối cảnh tri thức và công nghệ thay đổi nhanh chóng, việc trang bị kiến thức, kỹ năng khai thác công nghệ phục vụ cho việc giảng dạy đặt ra yêu cầu cao hơn bao giờ hết, đòi hỏi mỗi giảng viên phải tích cực chủ động, tự giác, sáng tạo trau dồi tri thức, kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số cần có những giải pháp đổi mới sau:

Thứ nhất, giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin cần phải đáp ứng kịp thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số hiện nay. Đây là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm và nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu của đất nước trong tình hình mới. Giảng viên phải là người truyền được cảm hứng tới người học, dẫn dắt người học một cách say mê, thu được kết quả tốt. Muốn nâng cao chất lượng đào tạo thì một trong những yếu tố có tính quyết định là đội ngũ giảng viên đại học phải có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực và phương pháp

giảng dạy. Do vậy, đội ngũ đó cần được đào tạo, bồi dưỡng, tiếp tục nâng cao trình độ để có đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy. Đội ngũ giảng viên cần được tăng cường đào tạo lý luận chính trị theo hướng chuẩn hóa, bám sát định hướng đổi mới công tác lý luận của Đảng trong tình hình mới; cần phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của đội ngũ giảng viên giảng dạy triết học Mác - Lê-nin; cần quán triệt, vận dụng đúng đắn, đầy đủ, sáng tạo nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, khóa XIII và Chỉ thị số 05 về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Thứ hai, tạo dựng hệ thống các tình huống phát triển tư duy độc lập, sáng tạo trong các bài giảng mang đặc điểm, trình độ tương xứng với tốc độ phát triển cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới phương pháp giảng dạy Triết học Mác - Lênin là phát triển tư duy độc lập sáng tạo của sinh viên. Mục tiêu này thuộc bản chất, chức năng trội của Triết học Mác - Lênin. Giữa tri thức Triết học Mác - Lênin và tư duy độc lập, sáng tạo có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng không đồng nhất. Tri thức triết học là sản phẩm của tư duy các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin được hệ thống hóa, khái quát hóa thành lý luận và nó tồn tại với tính cách là cái khách quan trong quan hệ với người dạy và người học. Nó chỉ trở thành tư duy khi người dạy và người học thực hiện bước “chủ quan hóa”, chuyên hóa thành tư duy.

Quá trình dạy học không phải chỉ trang bị tri thức, mà quan trọng là tiến tới tạo dựng, rèn luyện phát triển tư duy. Giữa tri thức triết học và tư duy của người học luôn có một khoảng cách. Khoảng cách ấy chỉ có thể rút ngắn khi có phương pháp phù hợp - phương pháp giải quyết mâu thuẫn giữa mục tiêu phát triển tư duy với lượng tri thức làm cơ sở, tiền đề cho phát triển. Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra, thời gian lên lớp phải rút ngắn, nhưng vẫn trang bị đủ tri thức làm tiền đề cho thực hiện bước chuyển hóa thành tư duy người học. Tri thức trang bị cho người học không chỉ là triết học mà còn có cả tri thức về cách mạng công nghiệp 4.0. Các nội dung trên cũng là một tình huống cho đổi mới phương pháp giảng dạy triết học. Với một thời gian đã ấn định của một bài giảng; với một hệ thống tri thức đồ sộ thì cách thức duy nhất là người dạy phải có phương pháp “chắt lọc” để có được tri thức bản chất, cốt lõi nhất trang bị cho người học. Khắc phục triệt để phương pháp dàn trải; làm mất thời gian; dùng nội dung ít có giá trị. Sự chắt lọc càng phải “tinh” để còn có thể dung nạp được tri thức về cách mạng công nghiệp 4.0 (thông tin mới). Trong các thành tựu thuộc trí tuệ của cách mạng công nghiệp 4.0 cũng phải lựa chọn và xử lý những nội dung có giá trị thế giới quan, phương pháp luận khoa học làm phong phú, sâu sắc những quan điểm triết học Mác - Lênin trong thời đại cuộc cách mạng này. Các nhà kinh điển chủ nghĩa

Mác - Lênin đã từng phát triển, hoàn thiện quan điểm triết học của mình bằng các thành tựu khoa học tự nhiên. Trong cách mạng công nghiệp 4.0 có nhiều đặc điểm mới so với thời C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin ở chỗ, nó tạo ra “thế giới ảo” với biết bao “cái ảo” bên cạnh thế giới thực. Tuy nhiên, nên nhớ rằng, nó không thể đánh đổ được triết học Mác - Lênin như các trường phái triết học khác, bởi tính “mở” của phép biện chứng duy vật. Phải tập trung chủ yếu vào phương pháp rèn luyện tư duy độc lập sáng tạo của người học. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng định hướng: “Chuyên mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị tri thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”[19, tr. 144].

Như vậy, vấn đề có tính nguyên tắc đối mới phương pháp giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong cách mạng công nghiệp 4.0 là tạo dựng hệ thống tình huống cho người học tự giải quyết nội dung; tự phản xạ, giải quyết các tình huống từ thực tiễn xã hội. Đối mới phương pháp giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với quá trình gia tăng số lượng, chất lượng các tình huống cho sinh viên tự giải quyết nội dung tri thức và giải quyết các vướng mắc từ thực tiễn xã hội.

Thứ ba, xác định được mục đích của việc dạy học để làm gì, yêu cầu chuẩn đầu ra của từng ngành học khác

nhau thì việc xác định mục đích giảng dạy càng có nhiều yêu cầu và đòi hỏi mang tính đặc thù hơn. Giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin ngoài việc phải gắn với mục tiêu đào tạo của từng ngành, còn phải gắn với việc nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc và các thủ đoạn chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nhằm thực hiện thành công chiến lược “điễn biến hòa bình” trên lĩnh vực chính trị tư tưởng của các thế lực thù địch. Các thế lực thù địch với mục đích nhằm xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm làm mất phương hướng, giảm sút ý chí chiến đấu, các thế lực phản động cố gắng chứng minh “tính lỗi thời của học thuyết Mác - Lênin; phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; phủ nhận con đường xây dựng đất nước của Việt Nam là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Để góp phần xóa bỏ âm mưu “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đó đòi hỏi cung cấp thế giới quan, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy biện chứng cho sinh viên - những chủ nhân của đất nước để họ có cơ sở khoa học tin tưởng vào con đường của Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn. Có như vậy, mới giúp cho người học tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân; sẵn sàng phấn đấu, hy sinh vì độc lập, tự do, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhất là trước

âm mưu, thủ đoạn hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ, phá hoại nền tảng văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, xác định phương pháp dạy học phù hợp trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số hiện nay. Việc xác định dạy như thế nào cần phải bảo đảm mục đích đặc thù của từng ngành học và việc đáp ứng tốt các yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn của đất nước. Xác định đúng và vận dụng tốt các phương pháp giảng dạy, nhất là khi yêu cầu giảng dạy triết học phải giúp người học có được phương pháp tư duy khoa học, biết phản biện lại những quan điểm sai trái để đưa ra những giải pháp hợp lý. Dạy học là quá trình tương tác giữa người dạy và người học, ở đó người dạy phải sử dụng phương pháp thích hợp truyền tải kiến thức đến cho người học, bảo đảm nguyên tắc: biết, hiểu, vận dụng. Nói cách khác, có những kiến thức người học chỉ cần biết, có những kiến thức người học nhớ để vận dụng làm bài tập, nhưng có kiến thức người học cần nhớ suốt đời để vận dụng vào giải quyết tốt yêu cầu thực tiễn đặt ra. Để làm được điều đó, đòi hỏi người dạy phải có phương pháp phù hợp, phương pháp đó phải truyền được cảm hứng cho người học, tạo được hứng thú để người học tìm tòi, nghiên cứu kiến thức lý thuyết, vận dụng giải quyết tốt yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Thứ năm, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại. Để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dạy học nói chung, dạy học Triết học Mác - Lênin nói riêng phải trên cơ sở đổi mới toàn diện, trong đó, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phải thường xuyên có sự đầu tư, củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa, tăng khả năng tương tác giữa con người và phương tiện, bảo đảm đồng bộ theo hướng mô hình “Đại học thông minh”. Hệ thống các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, học tập trên giảng đường như: hệ thống máy chiếu, máy tính, bảng từ thông minh, phòng học chuyên dùng cần được khai thác, luôn có sự nâng cấp đồng bộ và được kết nối với mạng LAN (mạng nội bộ). Đối với hệ thống thư viện, song hành cùng với phát triển thư viện truyền thống, luôn phải mở rộng, nâng cấp, phát huy hệ thống thư viện số, thư viện điện tử thông qua đẩy mạnh việc tích hợp dữ liệu số từ các nguồn tài liệu chuyên khảo, tham khảo, báo chí, tạp chí, đề tài, luận văn, luận án bảo đảm thuận tiện cho việc tra cứu, khai thác thông tin, tài liệu của giảng viên và sinh viên. Đổi mới giảng dạy triết học hiện nay trước tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây là tổng thể các tác động làm đổi mới quá trình chuẩn bị và thực hành giảng bài môn Triết học trên cơ sở nắm bắt kịp thời, tận dụng

có hiệu quả những cơ hội, chủ động phòng ngừa, ứng phó với những thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0, làm chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giảng dạy môn học. Mặt khác, đổi mới giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tính cách mạng hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đổi mới này có tính toàn diện ở tất cả các mặt, các tầng bậc và có tính đa dạng phong phú.

2.3. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở bậc đại học

Giảng dạy Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh kinh tế của đất nước ngày càng hội nhập sâu và rộng như ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Vận dụng những kiến thức đã học vào phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên. Từ đó, sinh viên nắm được khái niệm,

đổi tượng phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nắm vững kiến thức cơ bản về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Hiểu rõ về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. Hiểu được cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Vận dụng những kiến thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Tìm hiểu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, về nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

Đổi mới phương pháp dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin hiệu quả, có thể giúp sinh viên nắm vững những nội dung mới của kinh tế chính trị Mác - Lênin hiện nay, qua đó nâng cao ý thức chính trị của sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy và học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo chương trình mới, không chỉ là nhân tố quyết định sự thành công của việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong nhà trường mà còn góp phần nâng cao ý thức chính trị của sinh viên, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hội nhập mới.

Học thuyết kinh tế Mác - Lênin là sự khái quát thực tiễn sinh động của chủ nghĩa tư bản. “Kinh tế chính trị Mác - Lênin hay kinh tế chính trị học Mác - Lênin là một lý thuyết kinh tế và là môn khoa học về kinh tế chính trị do Mác, Ăngghen và sau này là Lênin phát triển trong

giai đoạn mới, có đối tượng nghiên cứu là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Qua đó vạch rõ bản chất, hiện tượng của các quá trình kinh tế để có cơ sở giải quyết các mối quan hệ liên quan đến học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin là học thuyết giá trị thặng dư của Các Mác”[42].

Nội dung chương trình gồm 6 chương. Trong đó: Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin: Trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường: Trình bày lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường: Trình bày lý luận của C. Mác về giá trị thị trường. Tích lũy tư bản về các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, Lợi nhuận, Lợi tức, Địa tô tư bản chủ nghĩa. Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường: Trình bày quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam: Trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hoàn thiện

thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam: Trình bày công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.

Từ kinh tế tri thức tới kinh tế số là một bước chuyển đổi mang tính rõ ràng, cụ thể hơn và phù hợp với xu thế vận động và phát triển của đất nước. Việc cập nhật thông tin về kinh tế số vào bài giảng các môn khoa học Mác - Lênin tại các trường đại học là vô cùng cần thiết, việc đưa thông tin vào bài giảng kịp thời giúp cho sinh viên, giảng viên, cán bộ cập nhật và phổ biến đường lối, chủ trương mới của Đảng ta về phát triển kinh tế trong thời kỳ mới.

Ngày nay, kinh tế số đang dần trở thành chủ thể quyết định mới của nền kinh tế thế giới, nội hàm của kinh tế số cũng dần gắn bó chặt chẽ hơn với các nội hàm của khái niệm kinh tế hiện đại. Thuật ngữ “Kinh tế số” (digital economy) được dùng khá lâu trước khái niệm cách mạng

công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, cùng với sự xuất hiện của cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng số hóa hay công cuộc chuyển đổi số thực sự xuất hiện mạnh mẽ ở mọi lĩnh vực, bởi “hạt nhân” của cách mạng công nghiệp 4.0 chính là chuyển đổi số, với sự tích hợp của số hóa, kết nối và xử lý dữ liệu thông minh.

Kinh tế số xét ở ngôn ngữ thương mại, cũng được gọi là kinh tế internet (Internet Economy), kinh tế mới (New Economy) hay kinh tế mạng (Web Economy). Có thể khái quát kinh tế số bao gồm các hiện tượng gắn với những thành tựu khoa học công nghệ mới hiện đại, như công nghệ blockchain, nền tảng số, phương tiện truyền thông xã hội, doanh nghiệp điện tử; các doanh nghiệp liên quan đến phát triển phần mềm, ứng dụng, phát triển nội dung số và truyền thông, các dịch vụ và đào tạo liên quan, cùng với các doanh nghiệp tham gia vào sản xuất và phát triển thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông.

Thực hiện phương châm “đổi mới phương pháp dạy học”, nhất là việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy các môn học ở bậc đại học nói chung và Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng, cần quan tâm đến việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên, chủ yếu qua các nội dung cơ bản như: xác định kiến thức cần nhấn mạnh, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề qua từng bài, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, tìm kiếm

thông tin liên quan, làm bài tập vận dụng thực tiễn. sinh viên nâng cao khả năng tự học, phối hợp với giảng viên để phát huy tính chủ đạo, sáng tạo như sau:

Thứ nhất, giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia “đóng vai” trong giờ học. Phương pháp này giúp sinh viên được chủ động bộc lộ những kỹ năng của mình: hùng biện, phân tích, chứng minh,... thể hiện quan điểm cá nhân, tình cảm chính trị, xã hội... Tùy vào từng vấn đề cụ thể, giảng viên tổng hợp và đưa ra kết luận cuối cùng cho sinh viên. Ví dụ: Giảng viên chỉ định một sinh viên đóng vai một nhân vật nổi tiếng phụ trách lĩnh vực kinh tế, diễn thuyết trước lớp về hoạt động và phương hướng của chính sách đối ngoại trong những năm gần đây của Việt Nam; Giảng viên phân lớp thành hai nhóm: Một nhóm tìm những luận điểm để khẳng định ý kiến: “cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là tích cực”, nhóm còn lại phản bác lại và cho rằng: “cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa có nhiều hạn chế”...

Thứ hai, giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia tích cực các hoạt động trên lớp. Vào cuối mỗi buổi học, giảng viên cho một số gợi ý và vấn đề của buổi học sau để sinh viên tìm tài liệu và nghiên cứu ở nhà. Các dạng bài tập giảng viên có thể tiến hành cho sinh viên như sau: Giảng viên gợi ý một hệ thống câu hỏi và bài tập cho sinh viên về sự phát triển kinh tế của

đất nước nói chung và của địa phương nói riêng, sinh viên tìm hiểu về các ngành sản xuất vật chất ở Việt Nam. Sinh viên liệt kê, tìm hiểu lĩnh vực sản xuất của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, tổ sản xuất,... ở địa phương mình sinh sống. Phương pháp này giúp sinh viên tự tìm hiểu và độc lập tìm tòi về việc sản xuất của cái vật chất trong xã hội. Mỗi công ty, nhà máy, xí nghiệp sản xuất một loại hàng hóa khác nhau, sẽ có những yếu tố sản xuất khác nhau, điều này giúp sinh viên khắc ghi tốt những khái niệm trong sách giáo khoa dễ dàng hơn. sinh viên tự rút ra vai trò, đóng góp của những xí nghiệp, nhà máy điển hình trên địa bàn mình sinh sống.

Sinh viên tập tóm tắt nội dung cốt lõi nhất của những vấn đề sẽ học và thuyết trình trước lớp bằng slide; từ hình ảnh, tài liệu giảng viên đã đưa ra từ trước, sinh viên tự dựng lại kèm bình luận, hùng biện về vấn đề được đưa ra đó. Ví dụ: Trình bày sự giống và khác nhau của các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Hiện nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại đang áp dụng phương pháp nào? Từ một số hình ảnh, clip giảng viên đã đưa ra về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trên thế giới, sinh viên tự dựng lại những hình ảnh, clip đó kèm theo những lời hùng biện, bình luận, rút ra vai trò của các cuộc cách mạng công nghiệp. Sinh viên đưa ra những ví dụ điển hình, những hình ảnh, clip về thực trạng tài nguyên, môi trường ở Việt Nam. Từ đó, tổng hợp những

giải pháp cụ thể để khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong điều kiện đất nước ta còn nghèo, đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bài tập liên hệ thực tiễn: sinh viên phải thường xuyên liên hệ những lý luận được học trên lớp với thực tiễn của bản thân và những vấn đề thực tiễn ở trong nước cũng như trên thế giới. Ví dụ: Trình bày thuận lợi và thách thức của Việt Nam khi là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); Từ một số ví dụ về “thống nhất và mâu thuẫn trong các quan hệ lợi ích kinh tế”, “lợi ích nhóm”, “nhóm lợi ích”. Liên hệ vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết các quan hệ lợi ích kinh tế.

Thứ ba, nâng cao trình độ cho giảng viên, thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, sinh hoạt chuyên môn. Từ đó, khuyến khích giảng viên tích cực sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy. Ví dụ: Khi nói nội dung về nguồn gốc, bản chất của tiền tệ, các chức năng của tiền tệ. Khi thiết kế nội dung câu hỏi thảo luận nhóm, có thể thiết kế câu hỏi như sau: Câu 1: Vì sao Các Mác nói rằng, tiền là hàng hóa đặc biệt, được tách ra làm vật ngang giá chung để đo lường giá trị của các hàng hóa khác? Câu này hỏi về nguồn gốc và bản chất của tiền (Các hình thái giá trị). Câu 2: Thực tiễn đã xuất hiện nhiều đồng tiền kỹ thuật số như Bitcoin, Ethereum,... trong tương lai những đồng tiền này có

khả năng thay thế những loại tiền tệ hay không? Vì sao?
Liên hệ thực tiễn.

Khi lên lớp trực tiếp, giảng viên không giảng lại toàn bộ nội dung của tuần đó mà sẽ yêu cầu một nhóm trình bày bài thảo luận của nhóm mình. Sau khi nhóm trình bày xong, sẽ yêu cầu một nhóm khác đặt câu hỏi phản biện hoặc giảng viên có thể đặt câu hỏi cho nhóm thuyết trình đó. Sau khi nhóm đã trả lời các câu hỏi đặt ra, giảng viên sẽ giải thích, chốt lại từng vấn đề cho sinh viên nắm rõ. Đồng thời sẽ trình bày thêm những vấn đề khác trong nội dung bài học mà không có trong nội dung thảo luận. Quy mô lớp học phù hợp (khoảng 60 sinh viên/lớp), điều này sẽ tạo thuận lợi cho giảng viên trong việc phân nhóm lớp cũng như áp dụng nhiều phương pháp mới trong giảng dạy, phát huy được tính tích cực, chủ động của sinh viên.

Thứ tư, giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin đòi hỏi phải thường xuyên bổ sung lý luận mới cho phù hợp với sự vận động của thực tiễn. Đặc biệt là đưa những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII, lồng ghép vào giảng dạy một số nội dung của kinh tế chính trị Mác - Lênin thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình

tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/11/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Có một số quan điểm cần được lồng ghép vào giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin như: Nghị quyết Đại hội XIII đã xác định mục tiêu cụ thể:

“Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: trở thành nước phát triển, thu nhập cao” [21; 326-327]. Trong đó định hướng về phát triển kinh tế 5 năm (2021 - 2025), “tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD” [21; 327].

Tuy nhiên Văn kiện Đại hội XIII khẳng định trong thời gian tới cần tập trung vào những trọng tâm mới để giải quyết những vấn đề tồn tại: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Tập trung ưu tiên đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, cụm công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không kết nối các vùng, khu vực, các trung tâm trong nước và quốc tế” [20; 126-127].

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là khoa học kinh tế cung cấp hệ thống tri thức lý luận về sự vận động

của các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi, là tri thức mở về những quy luật chi phối sự phát triển của nền sản xuất xã hội. Học phần này đồng thời góp phần hình thành năng lực vận dụng các quy luật kinh tế vào hoạt động thực tiễn và quản trị cho người lao động và nhà hoạt động chính sách, bởi vậy người làm công tác giảng dạy phải bắt kịp sự vận động của lịch sử, nhất là những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc mang dấu ấn như cuộc cách mạng làm thay đổi toàn bộ xã hội, lồng ghép các nội dung cơ bản và mới vào nội dung giảng dạy là đòi hỏi cấp thiết.

2.4. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở bậc đại học

Giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó, giúp sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung. Về nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh

lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học: Trình bày sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: Trình bày quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Trình bày thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam và phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa: Trình bày dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước

xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chương 5. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Trình bày cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chương 6. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Trình bày quan điểm mácxít về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chương 7. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Trình bày bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chương 8. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Trình bày khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận nói chung, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng ở các trường đại học hiện nay là vấn đề cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng

giáo dục đào tạo. Vì vậy, giảng viên lý luận chính trị cần nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp dạy học và lòng yêu nghề, nhiệt huyết với nghề. Hay nói cách khác đó là “cái tâm” và “cái tầm” của người giảng viên. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục - đào tạo theo hướng coi trọng phát huy năng lực tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và kỹ năng mền cho sinh viên hiện nay.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa cao, mang đậm tính đảng, tính giai cấp và tính định hướng chính trị sâu sắc, đòi hỏi người giảng viên khi giảng dạy phải gắn lý luận với thực tiễn, bởi sẽ không thể có một bài giảng sinh động, hấp dẫn khi giảng viên chỉ có lý luận suông mà không biết gắn lý luận với thực tiễn sinh động đang diễn ra hằng ngày trong cuộc sống. Là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học gắn bó chặt chẽ với thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Chính thực tiễn này sẽ kiểm nghiệm tính đúng đắn các nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học và cơ sở để khái quát, phát triển những nguyên lý mới làm phong phú thêm lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

Ngày nay, dưới sự tác động của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, thậm chí là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay tùy vào mức độ thành công của công tác giáo dục lý luận chính trị. Trong đó, chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho người học cách nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, khoa học các vấn đề chính trị - xã hội đã, đang và sẽ diễn ra. Sẽ định hình cho người học thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, định hình nền tảng tư tưởng, nền tảng tinh thần cho xã hội.

Trước sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến ngành giáo dục thì phương pháp dạy học truyền thống là lấy giảng viên làm trung tâm, giảng bài vẫn nặng về đọc - chép, chưa kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại vào bài giảng. Vì thế, sinh viên ít có cơ hội tham gia vào bài giảng, chưa chủ động trong việc tham gia vào nội dung bài giảng của giảng viên. Mặt khác, khối lượng kiến thức quá nhiều, nặng về lý luận, lý thuyết. Trong tài liệu một số chương, mục kết cấu chưa rõ ràng, nội dung còn dàn trải, trùng lặp. Phần lớn nội dung của giáo trình mang tính áp đặt, đem lại cho người học sự thừa nhận một cách xuôi chiều, tính thực tiễn và tính phê phán còn ít. Kết cấu nội dung chương trình vẫn còn nhiều vấn đề thuộc loại

“khó giảng”, “khó học”, chưa thực sự thuyết phục người học cả về lý luận và thực tiễn.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội. Những năm qua các hoạt động tuyên truyền, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chống phá của các thế lực thù địch, phản động thông qua các phương tiện, thủ đoạn khác nhau và mục đích của chúng là nhằm vào đối tượng sinh viên. Đây là một trong những âm mưu của chúng để làm cho một số bộ phận sinh viên dao động về tư tưởng, thiếu bản lĩnh chính trị sẽ bị các thế lực thù địch lợi dụng. Trên thực tế hiện nay sự lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên sẽ học những ngành nghề mà thị trường cần, đặc biệt là khoa học kỹ thuật. Vì vậy, các môn lý luận chỉ dạy cho đủ chứng chỉ, đủ chương trình mà thôi chứ không chú trọng vào chất lượng môn học.

Vì vậy, giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi giảng viên phải tìm tòi, vận dụng những phương pháp dạy học hợp lý, tăng tính tích cực của người học, gắn lý luận với thực tiễn vào trong quá trình giảng dạy với một số giải pháp sau:

Thứ nhất, giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, giảng viên không ngừng hoàn thiện năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học của bản thân. Nắm chắc nội dung kiến thức

chuyên ngành, nghĩa là người giảng viên phải được đào tạo đúng chuyên ngành. Trước hết là học tập để nâng cao trình độ của bản thân. Thứ hai, là tự học thông qua việc tìm hiểu, tự nghiên cứu. Thứ ba, học ở thầy cô, đồng nghiệp, ở những người xung quanh. Để đáp ứng nhu cầu của người học, người dạy không ngừng nghiên cứu, đào sâu kiến thức để có đủ bản lĩnh giải đáp những vấn đề do chính thực tiễn đặt ra, đây chính là những tình huống sư phạm mà giảng viên phải vững về chuyên môn, kiến thức mới giải quyết được. Dạy học hiện nay lấy người học làm trung tâm, người dạy đóng vai trò chủ đạo, tuy vậy chất lượng và hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng chuyên môn, trình độ hiểu biết của giảng viên.

Thứ hai, giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, giảng viên tiếp tục đổi mới và kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng gắn nội dung bài giảng với thực tiễn xã hội. Hiện nay, phương pháp giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở các trường đại học chủ yếu vẫn là thuyết trình, đọc thoại trên lớp. Đây là phương pháp truyền thống, đã trở nên quen thuộc đối với hầu hết các giảng viên. Vì vậy, cần phải đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức nhiều phương pháp dạy học cho sinh viên gắn lý luận vào thực tiễn để sinh viên dễ học, dễ hiểu và dễ tiếp thu. Cho nên, giảng viên cần có phương pháp giảng dạy

phù hợp, sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để tiết giảng của mình có sức hấp dẫn và thuyết phục hơn. Với kinh nghiệm của mình trong thực tiễn giảng dạy, ngoài phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên cần kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau tùy thuộc vào nội dung bài giảng, điều kiện lớp học và đối tượng sinh viên. Sự kết hợp song song các phương pháp này sẽ làm cho người học chủ động hơn, sẽ có nhiều cơ hội tham gia vào bài giảng. Ví dụ: như trong quá trình giảng bài, giảng viên nêu vấn đề để sinh viên suy luận, tư duy độc lập phương pháp này sẽ kích thích tính tư duy của sinh viên có thể tích cực, chủ động tham gia vào giải quyết vấn đề. Để làm được điều này thì giảng viên cần phải tìm tòi kỹ lưỡng, lựa chọn vấn đề nêu ra phù hợp với nội dung bài giảng và kiến thức sinh viên có thể nắm bắt được.

Thứ ba, giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, giảng viên cần vận dụng phương pháp làm việc nhóm, đây là phương pháp phức hợp giúp sinh viên rèn luyện, thực hành nhiều kỹ năng để hoàn thành nhiệm vụ mà giảng viên giao cho nhóm. Phương pháp này rất phù hợp với điều kiện, khả năng của sinh viên, rèn cho sinh viên rất nhiều kỹ năng như tự tìm tài liệu, chọn lọc, tổng hợp tài liệu, sắp xếp và xử lý tài liệu - đây còn là phương pháp rèn luyện cho

sinh viên tự nghiên cứu. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên cách làm việc nhóm, phân công công việc trong nhóm. Hơn nữa, phương pháp này còn rèn luyện cho sinh viên nhiều kỹ năng khác như: thuyết trình, sử dụng máy tính, xử lý tình huống, kỹ năng phân tích, đánh giá một vấn đề, kỹ năng tranh luận. Đây chính là một kỹ năng mềm rất cần thiết cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay bên cạnh kiến thức chuyên môn.

Ngày nay trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội trong đó có hệ thống giáo dục - đào tạo. Do đó, để đáp ứng được, các trường đại học cần phải có sự đổi mới để nắm bắt kịp xu thế phát triển của thời đại, ngoài việc đổi mới chương trình đào tạo thì việc đổi mới phương pháp dạy học rất cần thiết và cấp bách. Để làm được điều này chúng ta cần phải đổi mới đồng bộ về nhiều mặt: chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy. Trong đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy gắn thực tiễn với lý luận là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo một cách bền vững. Phương pháp giảng dạy sẽ tạo điều kiện tốt cho người học có thể phát huy hết khả năng tư duy của mình, biến quá trình học của người học thành quá trình phát triển tư duy sáng tạo trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số hiện nay.

2.5. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở bậc đại học

Giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm cung cấp kiến thức cho sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ đó, hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác. Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiên cứu học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho sinh viên nhận thức sâu sắc thêm các nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

Giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh theo chương trình mới đặt ra trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyên đổi số. Cần khẳng định những chuyển biến của xã hội tạo ra một phần khó khăn trong giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng lần thứ tư, đã trực tiếp dẫn tới những biến đổi khó lường về kinh tế - xã hội, văn hóa, tư tưởng, lối sống. Qua đó các thế lực phản động với âm mưu “diễn biến hòa bình” cũng tìm cách ra sức “công phá” vào “chủ nghĩa xã hội”, bóp méo “chủ nghĩa cộng sản”, xuyên tạc thông tin, đường lối của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.

Nội dung chương trình gồm 6 chương. Trong đó: Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh: Trình bày phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, nêu lên ý nghĩa học tập môn học

Tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh: Trình bày cơ sở thực tiễn, lý luận và nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh. Từ đó, làm rõ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại, góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển thế giới. Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Trình bày vấn đề độc lập dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc. Điều kiện để

đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ đó, làm cho sinh viên luôn kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định, phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị, đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân: Trình bày tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. Nhà nước dân chủ, Nhà nước pháp quyền, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế: Trình bày vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc; Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế; Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức; Nguyên tắc đoàn kết quốc tế. Từ đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay là: Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng;

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng; Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế. Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người: Trình bày một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác; Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa; Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng; Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng là: Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Thương yêu con người, sống có tình nghĩa và tinh thần quốc tế trong sáng. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng là nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Tu dưỡng đạo đức suốt đời. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người, về vai trò của con người và về xây dựng con người. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người và về xây dựng đạo đức cách mạng.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh theo chương trình mới đã có phân biệt giữa chương trình đào tạo ngành không chuyên và ngành chuyên về lý luận chính trị. Đặc biệt, chương trình mới đã xây dựng là “hệ thống mở”. Đây được đánh giá là điểm đổi mới quan trọng nhất trong chương trình mới học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

Trên tinh thần đổi mới đó, giáo trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những điều chỉnh nội dung theo hướng vừa bảo đảm những vấn đề có tính nguyên lý, vừa bổ sung thêm những vấn đề lý luận mới trong quá trình nghiên cứu trước tác của Người và đã được thực tiễn kiểm nghiệm và đúc kết qua hơn 35 năm đổi mới của Đảng trên cơ sở giảm tải về chương trình đối với các môn lý luận chính trị nói chung.

Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay có những điểm mới trong nội dung chương trình:

Thứ nhất, trước đây chương trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được dùng chung cho tất cả các hệ đại học nhưng hiện nay có sự phân biệt giữa chương trình đào tạo ngành không chuyên và ngành chuyên về lý luận chính trị cụ thể: Đối với sinh viên không chuyên giáo trình có kết cấu 6 chương và 7 chương đối với sinh viên chuyên ngành. Điều này phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nội dung chương trình, phương thức đào tạo ở các cấp học. Chương trình dành cho sinh viên không chuyên sẽ được tinh lọc, học các kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này sẽ giúp giảm tải được thời lượng học tập, giúp các em có điều kiện tăng cường học chuyên ngành mà vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu học tập lý luận chính trị trong nhà trường.

Chương trình dành cho sinh viên chuyên ngành sẽ được đào tạo chuyên sâu những nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, vận dụng sáng tạo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong lý luận và thực tiễn, có kỹ năng phân tích, đánh giá có phản biện các quan điểm, tư tưởng, quá trình, sự kiện chính trị, xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, chương trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay được xây dựng là “hệ thống mở”. Đây được đánh giá là điểm đổi mới quan trọng nhất trong chương trình mới học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay. Không chỉ dừng lại ở ý nghĩa học tập môn học mà chương trình mới còn xây dựng là hệ thống mở, giúp cho sinh viên có đánh giá, liên hệ trong công tác và hằng ngày. Sinh viên không chỉ nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại trong giai đoạn hiện nay mà còn bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng; rèn luyện bản lĩnh chính trị, phát triển tư duy lý luận, năng lực tư duy sáng tạo, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Ngoài ra, qua nghiên cứu, học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập,

tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng người, từng địa bàn.

Thứ ba, giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay cần đổi mới về nội dung, chương trình môn học. Đúng như triết lý giáo dục thế kỷ XXI mà UNESCO đưa ra với bốn mục tiêu: “Học để biết - Learning to know, Học để trưởng thành - Learning to be, Học để chung sống - Learning to live together, và Học để làm - Learning to do”. Đó cũng chính là những vấn đề được đặt ra trong Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nội dung chương trình, phương thức đào tạo ở các cấp học theo hướng “đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người” cũng như trong Công văn số 3506/BGDĐT- GDDH năm 2019 hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.

Thứ tư, sử dụng phương pháp đóng vai trong giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, “chuyên mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất, kỹ năng của người học” [20, tr.232-233], tạo bước chuyển mạnh mẽ, hiệu quả, thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII

của Đảng. Có nhiều cách thức đóng vai trong môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Ví dụ: Chuyển thể một văn bản thành một kịch bản sân khấu như: Chuyển thể nội dung “Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” và “Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” trong giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh thành kịch bản sân khấu. Đóng vai nhân vật lịch sử như: Vào vai Bác và các nhân vật lịch sử khác trong các sự kiện lịch sử gắn liền với Bác hay các câu chuyện về Bác. Đóng vai nhân vật giả định: Vào vai một cán bộ tuyên giáo, cán bộ dân vận để tuyên truyền nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; vào vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho đoàn khách tham quan về cuộc đời, phẩm chất và tài năng của Hồ Chí Minh, quá trình hình thành, phát triển và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh; vào vai phóng viên của kênh truyền hình VTV để phỏng vấn nhà khoa học/chuyên gia về các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau khi kịch bản được giảng viên thông qua thì các nhóm tiến hành phân vai, chuẩn bị đạo cụ, trang phục cần thiết và diễn thử trước khi trình diễn chính thức trước lớp.

Thứ năm, phải nâng cao chất lượng kiểm tra và đánh giá kết quả học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động trực tiếp đến hoạt động giảng dạy của người thầy. Phương pháp giảng dạy đã chuyển từ hình thức chuyển giao kiến thức từ thầy sang trò (thầy đọc - trò chép), không có sáng

tạo sang “lấy người học làm trung tâm”, người thầy có vai trò hướng dẫn, định hướng, cố vấn và tạo môi trường học tập để người học tự khám phá, lĩnh hội tri thức. Do đó, chỉ có đổi mới phương pháp giảng dạy mới phát huy được tính tích cực, năng động, sáng tạo của sinh viên; tránh thái độ thụ động, rập khuôn theo bài giảng của giảng viên, giúp họ có được phong cách tư duy độc lập trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học. Sự thực, ngay từ những năm đầu nước nhà giành độc lập, để đào tạo ra được những con người mới cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Không phải học để thuộc lòng từng câu từng chữ, đem kinh nghiệm của các nước anh em áp dụng một cách máy móc. Nhưng chúng ta phải học chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho hợp với điều kiện đặc biệt của nước ta. Khi vận dụng thì bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta”[11, tr. 95 - 96] và học để làm việc, làm người, làm cán bộ; học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại.

2.6. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở bậc đại học

Giảng dạy lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930),

sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2021). Trang bị phương pháp tư duy khoa học về tính lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và kỹ năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Từ đó, sinh viên nắm được sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Nắm được quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nắm rõ đường lối và kết quả thực hiện đường lối của Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2021). Qua đó, khẳng định các thành công, hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học

vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung chương trình gồm 3 chương. Trong đó: Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945): Trình bày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930). Đã làm rõ bối cảnh lịch sử; Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng; Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào cách mạng (1930 - 1935) và khôi phục phong trào (1932 - 1935); Phong trào dân chủ (1936 - 1939); Phong trào giải phóng dân tộc; Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975). Trình bày xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946); Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1945 đến 1950; Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1951 - 1954); Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) với nội dung: Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965; Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975; Ý nghĩa kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2021): Trình bày xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1981); Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982 - 1986). Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 - 1996); Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996 - 2021). Thành tựu và một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới.

Đề thích ứng với những biến đổi của sự phát triển khoa học công nghệ và thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục, đào tạo, giảng viên Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phải tích cực nghiên cứu và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khoa học, thực tiễn, sáng tạo, hiện đại phù hợp với thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo chương trình mới. Bài viết nêu lên những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trước tác động của cách mạng công

nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số. Từ đó, gọi mở một số phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trước ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo chương trình mới phù hợp với thực tiễn hiện nay. Giảng viên cần có phương pháp xây dựng các tình huống đòi hỏi sự tìm tòi, đào sâu suy nghĩ, phát triển và mở rộng kiến thức của sinh viên. Đáp ứng những nhân tố tác động đến giảng dạy và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 sau:

Thứ nhất, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cứng bắt buộc trong khung chương trình đào tạo ở bậc đại học. Nội dung môn học tập trung phân tích, trình bày quá trình ra đời của Đảng; sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ; đánh giá thành công và hạn chế; tổng kết những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Giảng viên dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tận tụy với nghề, có kiến thức uyên thâm, phương pháp giảng dạy truyền cảm, lời cuốn đã chinh phục được người học. Nhiều sinh viên khi chưa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thì nghĩ rằng môn học này khô khan, chỉ là môn học thuộc, không cần tư duy, nhưng sau khi học xong đã hiểu rõ giá trị đích thực của môn học, thừa nhận đây là môn học tư duy ở trình độ cao, rất logic, có ý nghĩa thiết thực trong cuộc sống.

Thứ hai, nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị và khoa học lãnh đạo, quản lý. Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết lịch sử Đảng để nhận thức quy luật của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống cao đẹp như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”.

Thứ ba, Giảng viên giảng dạy là chủ thể đóng vai trò trực tiếp tạo nên chất lượng của các bài giảng trên lớp, tạo nên chất lượng trong việc chuyển tải tri thức, xây dựng phẩm chất, nhân cách cho người học, từ đó trực tiếp tạo nên chất lượng giảng dạy. Vì vậy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo chương trình mới trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mỗi giảng viên phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy đảng. Đây là cơ sở quan trọng giúp mỗi giảng viên hiểu rõ về nhiệm vụ và trách nhiệm của người giảng viên trước những yêu cầu của đổi mới giáo dục đại học là một đòi hỏi cấp bách. Bên cạnh đó giảng viên cần nâng cao năng lực sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

Thứ tư, đối với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, với phân bổ 2 tín chỉ (30 tiết giảng lý thuyết), tập trung nghiên cứu các chương tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975 - 2021). Vì vậy, sinh viên cần nắm vững có hệ thống những vấn đề cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu rõ đặc điểm, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, phong kiến ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sự phát triển tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản,

qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Tình hình đất nước đen tối như không có đường ra. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn để tự giải phóng dân tộc, xã hội, vì cuộc sống của nhân dân. Người đã truyền bá lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam và phát triển sáng tạo học thuyết lý luận đó vào thực tiễn Việt Nam; Chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, cán bộ để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào mùa Xuân năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Thứ năm, hiểu được hoàn cảnh lịch sử những khó khăn, thách thức của thời kỳ mới, Đảng phải có đường lối, chiến lược và sách lược thích hợp để vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chính quyền nhà nước và chế độ mới. Đề ra đường lối và lãnh đạo kháng chiến làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và các nước ký kết Hiệp định Geneve (21/7/1954). Đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 với các chiến lược chiến tranh tàn bạo chống lại dân tộc Việt Nam và

phong trào cách mạng giải phóng trên thế giới. Đảng đề ra đường lối, kiên trì lãnh đạo đấu tranh, vượt qua thách thức hiểm nghèo dẫn đến toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975).

Thứ sáu, nhận thức rõ quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra (9/1960) và Đảng lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975. Hiểu được quá trình đổi mới tư duy lý luận, khảo nghiệm thực tiễn trong những năm 1975 - 1986 để hình thành con đường đổi mới đất nước. Nắm vững đường lối đổi mới được hoạch định tại Đại hội VI của Đảng (12/1986). Sự phát triển đường lối và tổ chức thực hiện hơn 30 năm qua đưa đất nước vững bước phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa. Lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cuộc kháng chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải vượt qua nhiều nguy cơ, khó khăn, thách thức, trong đó có cả khuyết điểm, yếu kém ở mỗi thời kỳ. Đảng đã kiên cường cùng toàn dân vượt qua, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ hơn những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Đổi mới phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo chương trình mới trước ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số phải:

Thứ nhất, đổi mới phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Chú trọng nhận thức lịch sử theo quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể. Tư duy từ thực tiễn, từ hiện thực lịch sử, coi thực tiễn và kết quả của hoạt động thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Cần thiết phải nhận thức, vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức tiến trình cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy, phong cách khoa học của Người là cơ sở và định hướng về phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng sáng tạo, chống chủ nghĩa giáo điều và chủ quan duy ý chí. Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng”[20, tr.109]. Lý luận Mác - Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh

tiếp tục là kim chỉ nam, là động lực tinh thần thúc đẩy công cuộc đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đưa đất nước ta tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, đổi mới phương pháp đưa thực tiễn vào giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Xác định nội dung cốt lõi nào cần thiết phải liên hệ thực tiễn và đưa loại hình, cấp độ thực tiễn nào thì phù hợp. Những yếu tố thực tiễn đưa vào phải mang tính biểu tượng, điển hình, phải quan tâm tới các sự kiện thực tiễn mang tính hiện đại, thời sự, được xã hội quan tâm nhiều. Đặc biệt phải có địa chỉ, nguồn dẫn xuất xứ rõ ràng. Giảng viên có thể đưa ra đường link cho sinh viên tham khảo trên mạng internet. Cần thực hiện thật tốt khâu chuẩn bị bài giảng, linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học như: khi soạn bài cần chuẩn bị hệ thống trước các câu hỏi đóng và mở, các tình huống sự phạm phù hợp với từng nội dung của chương trình khung. Giảng viên thiết kế bài giảng trên Powerpoint, lựa chọn các từ khóa ngắn gọn, hình ảnh, sơ đồ phù hợp, tạo ra sự sinh động trong tiết giảng và gây hứng thú cho sinh viên, để sinh viên dễ nhớ, dễ hệ thống được bài học. Phải thành thạo vi tính và các phương tiện dạy học hiện đại trực quan như: máy vi tính, máy chiếu, radio, ghi âm, video, mạng wifi, đường link mạng internet chính thống để phục vụ giảng dạy,

kết hợp với các đồ dùng học tập kích thích sự tìm tòi, đi sâu nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Thứ ba, phương pháp giảng dạy nêu vấn đề, tình huống, kích thích sự đam mê, sáng tạo của sinh viên trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong khi dạy giảng viên đặt câu hỏi, nêu vấn đề, đưa ra những tình huống có vấn đề phù hợp với thực tiễn hoàn cảnh lịch sử nội dung đang học. Sinh viên suy nghĩ, thảo luận giải quyết vấn đề, đưa ra tình huống thực tiễn dưới sự hướng dẫn của giảng viên như sau: Một là, giảng viên, sinh viên cùng nêu vấn đề, tình huống cần đề cập; Hai là, gợi ý cho sinh viên phương pháp giải quyết vấn đề, tình huống đã được đề cập; Ba là, sinh viên giải quyết vấn đề, tình huống sau khi thảo luận xong dưới sự gợi ý hướng mở của giảng viên. Phương pháp này đòi hỏi giảng viên phải chuyển đổi các hoạt động người học từ tính thụ động sang tích cực chủ động, chuyển đổi hoạt động của người dạy từ trang bị kiến thức, dạy một chiều sang khơi dậy tính tích cực chủ động, hướng dẫn cách học cho sinh viên. Ví dụ: giảng nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, vấn đề được chọn nêu ra để sinh viên suy nghĩ thảo luận là: sự sáng tạo về chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng trong Cương lĩnh. Các vấn đề được đặt ra và giải quyết trong quá trình giảng dạy là sự sáng tạo về tập hợp lực lượng cách mạng được thể hiện như thế nào? Cơ sở của sự sáng tạo tập hợp

lực lượng và ý nghĩa của nó? Quá trình nêu, giải quyết vấn đề, tình huống, kích thích sự đam mê, sáng tạo của sinh viên. Cần tạo sự hưng phấn, kéo nhiều sinh viên cùng tham gia bàn luận. Phương pháp giảng dạy nêu và giải quyết vấn đề theo logic trên, người học sẽ nhận thức được môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học tư duy, sáng tạo, chứ không phải là học thuộc, thối trí nhớ.

Thứ tư, phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Giảng viên sẽ chia nhóm từ 5 đến 10 sinh viên tùy vào lớp theo tín chỉ, sau đó phân công mỗi nhóm một chủ đề gắn với nội dung bài học, chủ đề này thường là một vấn đề, tình huống lý luận gắn với thực tiễn đòi hỏi sinh viên phải giải quyết như sau: Một là, đưa ra các chủ đề cho mỗi nhóm nghiên cứu và thảo luận; Hai là, hướng dẫn cách thức nghiên cứu, trình bày chủ đề, thời gian cho phép thảo luận và trình bày; Ba là, trong buổi thuyết trình, trưởng nhóm giới thiệu vai trò của từng thành viên trong nhóm. Tất cả các thành viên của nhóm phải tham gia thuyết trình. Kết thúc phần thuyết trình giảng viên sẽ có những nhận xét, đóng góp và chốt lại nội dung bài học.

Đặc điểm cơ bản của việc học tập theo hệ thống tín chỉ là người học phải tự học nhiều, tự nghiên cứu tài liệu, giờ lên lớp của giảng viên ít hơn so với cách học truyền thống,

giảng viên chủ yếu đóng vai trò là người hướng dẫn, cố vấn, thúc đẩy việc tự học, giúp người học hình thành kỹ năng tự học, khả năng độc lập phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề. Hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên bao gồm cả hai công việc: chuẩn bị các giờ lên lớp và tự học có hướng dẫn của giảng viên. Ví dụ: giao người học làm rõ nhận định trong Nghị quyết số 12, khóa III của Đảng: “Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn” (*Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 26, 2003, tr. 633*). Bên cạnh đó, giảng viên giới thiệu các tài liệu tiêu biểu liên quan đến nội dung gồm: *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995*. Ví dụ: 14 giờ, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Giảng viên cho sinh viên nghe lại lời Bác đọc Tuyên ngôn độc lập để chứng minh đây là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do.

Thứ năm, đổi mới phương pháp tổng kết lịch sử của Đảng. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không dừng lại mô tả, tái hiện sự kiện và tiến trình lịch sử, mà còn có nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam. Kinh nghiệm lịch sử gắn liền với những sự kiện hoặc một giai đoạn lịch sử nhất định. Bài học lịch sử khái quát cao hơn gắn liền với một thời kỳ dài, một vấn đề của chiến lược cách mạng hoặc khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử của Đảng. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”[9; tr.273]. Vì vậy, “Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận”[9; tr.312].

Ví dụ: Chương 1, giảng viên tổng kết cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930 - 1945). Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào

con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước - sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đầu dựng Đảng. Từ việc nhận thức lịch sử thời kỳ đầu dựng Đảng, góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

Chương 2, giảng viên tổng kết cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945 - 1975. Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945 - 1975, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

Chương 3, giảng viên tổng kết cho sinh viên nắm được đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng

đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Qua đó, củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2021), củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay. Rèn luyện cho sinh viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trước ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đòi hỏi người học phải tự học nhiều, tự nghiên cứu tài liệu, giờ lên lớp của giảng viên ít hơn so với cách học truyền thống. Giảng viên chủ yếu đóng vai trò là người hướng dẫn, cố vấn, thúc đẩy việc tự học, hình thành kỹ năng tự học, khả năng độc lập phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề. Đây cũng là nội dung của phương pháp giảng dạy tích cực. Cần coi trọng phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Hồ Chí Minh nhiều lần đặt ra yêu cầu phải tổng kết, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam. Qua nhiều lần tổng kết, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”[19; tr.66].

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG TRONG CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC

3.1. Tính tất yếu của sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị

Nâng cao chất lượng đào tạo là một nhu cầu bức thiết của xã hội ngày nay đối với các cơ sở đào tạo, là sự sống còn có tác động mạnh mẽ đến chất lượng đào tạo nguồn lực cho sự phát triển xã hội. Trong rất nhiều các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thì giải pháp đổi mới phương pháp dạy học được xem là khâu vô cùng quan trọng hiện nay ở tất cả các cơ sở giáo dục.

Thực trạng phương pháp dạy học ngày nay vẫn là phương pháp thuyết trình, nó không còn phù hợp với phương pháp dạy học mới ngày nay. Bởi nó, tạo cho người học thụ động tiếp thu kiến thức một chiều.

Người dạy đứng lớp truyền đạt kiến thức cho người học trong khuôn khổ giáo trình, bài giảng đã được quy định sẵn, người học nghe giảng và ghi chép, đôi khi trong quá trình giảng bài cũng đặt ra những câu hỏi, những vấn đề, những tình huống yêu cầu người học suy nghĩ trả lời, bình luận. Tính thụ động tiếp thu kiến thức một chiều.

Trong hệ thống phương pháp, kỹ thuật dạy học mới hiện nay thì phương pháp dạy học bằng tình huống có thể khắc phục được các nhược điểm trên của phương pháp dạy học cũ. Làm mềm hóa bài học lý thuyết, nhất là các học phần chính trị

Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định nhất định, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống. Rèn luyện cho các em kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện xã hội. Giúp các em chủ động sáng tạo trong hoạt động học tập.

3.2. Những nguyên tắc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị ở bậc đại học

3.2.1. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo tính khoa học và chính xác

Tình huống phải cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học phổ thông cơ bản nhất. Những tri thức này cần chính xác để giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về thế giới vật chất, góp phần phát triển năng lực nhận thức, năng lực hành động, hình thành nhân cách con người mới. Nội dung và cách thức thực hiện của tình huống phải mang tính đặc trưng của môn học.

Tình huống phải chứa đựng tính mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, có chứa vấn đề buộc sinh viên phải giải quyết, từ đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề cần nghiên cứu.

- Có trọng tâm và thực tiễn

Tình huống phải gắn với sự kiện liên quan đến đời sống hằng ngày, giúp sinh viên có thể liên hệ bài học dễ dàng. Nhưng cũng phải luôn cập nhật cho phù hợp thời đại, có tính thời sự thu hút sự quan tâm của sinh viên.

Tình huống đưa ra không được lan man mà phải đúng trọng tâm bài học

- Ngắn gọn, có tính giáo dục

Nội dung của môn học nào cũng mang tính giáo dục, vì thế thiết kế tình huống phải đảm bảo về mặt nội dung và tư tưởng nhằm giáo dục sinh viên có thể giới quan và nhân sinh quan đúng đắn và khoa học.

- Kích thích hứng thú sáng tạo cho người học

Tình huống phải vừa sức, phù hợp với trình độ và vốn kiến thức của sinh viên, không nên quá đơn giản hoặc quá phức tạp. Tình huống quá dễ hoặc quá khó sẽ tạo nên tâm lý chán nản, coi thường hoặc bất hợp tác và sẽ không tạo hiệu quả cao khi giảng dạy. Tình huống đặt ra phải gần gũi, phù hợp với tâm sinh lý, cách suy nghĩ, nhu cầu, sở thích của sinh viên. Hấp dẫn lôi cuốn, kích thích khả năng tư duy, khơi dậy sự hứng thú học tập, yêu thích bộ môn của sinh viên.

3.2.2. Nguyên tắc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị

- Tình huống phải nhằm xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên

Chủ nghĩa Mác - Lênin có tác dụng hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên trực tiếp nhất, không chỉ cung cấp những tri thức về nội dung, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của thế giới quan duy vật biện chứng mà còn giúp cho những nội dung kiến thức đó “xâm nhập”

và “chuyển hóa” những tri thức mà sinh viên tiếp nhận được thành những giá trị, niềm tin, lý tưởng, lập trường thế giới quan tương ứng, trang bị cho sinh viên thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, ý thức hệ, hình thành được tính độc lập trong tư duy và sử dụng được lý luận, tri thức, kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn mà không phụ thuộc vào người khác. Vì thế, tình huống đưa ra phải nhằm đạt được mục đích trên.

Thế giới quan là toàn bộ những quan điểm, quan niệm của con người về thế giới, về bản thân con người, về mối quan hệ giữa con người và thế giới xung quanh nhằm giải đáp những vấn đề về mục đích, ý nghĩa cuộc sống của con người. Thế giới quan được hình thành trong quá trình con người sống, cải tạo thế giới và phát triển nhận thức. Mặt khác, hoạt động thực tiễn và nhận thức của con người cần thiết phải được định hướng một cách tự giác. Thế giới quan khoa học phản ánh đúng quy luật vận động phát triển của hiện thực khách quan, phản ánh đúng mối quan hệ giữa con người và thế giới, vị trí của con người trong thế giới, giúp con người xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động, từ đó con người điều chỉnh hoạt động của mình phù hợp với quy luật khách quan, nhờ vậy hoạt động của con người đạt được hiệu quả cao. Nhưng thế giới quan khoa học không hình thành một cách tự phát. Muốn hình thành thế giới quan khoa học phải có một cơ sở lý luận khoa học, mà lý luận đó tổng

hợp được những tri thức khoa học, tổng kết được kinh nghiệm lịch sử của con người. Lý luận đó chỉ có thể là một hệ thống triết học khoa học. Triết học khoa học là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học.

- Nguyên tắc tính Đảng

Phải bảo đảm tính Đảng, tính khoa học trong giảng dạy khi đưa ra các tình huống. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung mang tính đặc thù, đổi mới phải song song với bảo đảm tính Đảng. Tính Đảng là một nguyên tắc trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận đòi hỏi người giảng dạy phải tuân theo. Nói đến tính chính trị là nói đến tư tưởng, nói đến sự lãnh đạo của Đảng, là nói đến quan điểm, lập trường. Giảng viên đưa ra tình huống cũng phải đứng trên lập trường, quan điểm giai cấp công nhân để nghiên cứu, giảng dạy lý luận; đứng trên lập trường lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; phục tùng tổ chức và giữ vững nguyên tắc phát ngôn của Đảng. Tôn trọng khách quan của lịch sử, sự thật lịch sử và phải trung thành với lịch sử. Giảng viên phải sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học, năng lực tư duy khoa học, thái độ vô tư, công bằng trong đánh giá và phải có trách nhiệm trước lịch sử, trước sự tiến bộ của khoa học: bảo vệ chân, thiện, mỹ. Đấu tranh phê phán, loại bỏ những

quan điểm phản động xuyên tạc, chống đối của các thế lực thù địch.

- Nguyên tắc lý luận gắn với thực tiễn

Giảng viên phải thực hiện nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin gắn lý luận với thực tiễn. Trau dồi kinh nghiệm và vốn sống thực tiễn phong phú thông qua việc thu thập thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng, đi nghiên cứu thực tế, nhất là học hỏi ở phong trào quần chúng, ở cơ sở nhằm có những tình huống cụ thể, sinh động đưa vào giảng dạy làm cho bài giảng phong phú, tiết học sôi nổi. Có kỹ năng, năng khiếu, nghiệp vụ sư phạm, vững vàng về chuyên môn, tinh thông về phương pháp giảng dạy hiện đại, ứng biến linh hoạt trong quá trình lên lớp.

- Nguyên tắc lịch sử cụ thể

Mọi sự vật, hiện tượng của thế giới đều tồn tại, vận động và phát triển trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể xác định.

Điều kiện không gian và thời gian có ảnh hưởng trực tiếp tới tính chất, đặc điểm của sự vật. Cùng một sự vật nhưng nếu tồn tại trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể khác nhau thì tính chất, đặc điểm của nó sẽ khác nhau, thậm chí có thể làm thay đổi hoàn toàn bản chất của sự vật, bởi vậy không chỉ nghiên cứu

chúng trong suốt quá trình, mà còn nghiên cứu chúng trong các không gian, thời gian, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử - cụ thể khác nhau đó. Mỗi tình huống đưa ra phải phù hợp với bối cảnh hiện tại về mọi mặt.

3.3. Quy trình thực hiện phương pháp dạy học tình huống trong giảng dạy các học phần chính trị

3.3.1. Xây dựng các bước tiến hành phương pháp dạy học bằng tình huống

Bước 1: Giảng viên cần xác định mục tiêu của buổi học, xác định nội dung kiến thức cần truyền đạt về mặt lý thuyết sẽ được cung cấp cho sinh viên thông qua việc áp dụng những tình huống gì là phù hợp, điều đó có ý nghĩa sinh viên sẽ tiếp thu được điều gì sau buổi lên lớp. Điều quan trọng là tại buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên cần nói rõ cho sinh viên biết sẽ sử dụng và yêu cầu sinh viên nghiên cứu những tình huống nào, thuộc chương nào hoặc chủ đề nào của môn học để sinh viên có thể chuẩn bị trước.

Bước 2: Xây dựng tình huống: Tùy vào từng bài học, kiến thức mà giảng viên mong muốn các sinh viên nhận được mà đưa ra các tình huống phù hợp với mục tiêu của mình. Tình huống giảng viên đưa vào bài học có thể do giảng viên tự xây dựng hoặc có thể sử dụng tình huống từ nguồn tài liệu khác, điều quan trọng là tình huống đó

phải bám sát vào nội dung và mang tính thực tiễn cao, phù hợp với người học.

Bước 3: Gọi ý các hướng giải quyết. Giảng viên cần cung cấp các kiến thức về mặt lý thuyết có liên quan đến tình huống đưa ra, giảng viên cần thiết phải giải thích thật chi tiết tình huống để sinh viên hiểu rõ các vấn đề cần giải quyết. Xác định nhiệm vụ và vai trò của sinh viên tham gia vào tình huống đó.

Bước 4: Xây dựng các câu hỏi thảo luận. Khi đưa ra tình huống nhất thiết phải có các câu hỏi kèm theo để gọi ý cho sinh viên thảo luận. Câu hỏi đưa ra cho sinh viên phải được chuẩn bị cẩn thận nhưng tránh đi vào kết luận chính.

Bước 5: Dự kiến chia nhóm để giải quyết tình huống khoảng 6 - 8 sinh viên/nhóm (tùy số lượng sinh viên của lớp). Các nhóm được phân công dựa trên sự khách quan, công khai trước lớp.

Bước 6: Thể hiện kết quả thảo luận tình huống, việc thảo luận hoặc báo cáo nhóm cũng được lựa chọn khách quan, trình bày báo cáo hoặc trả lời thảo luận cũng được lựa chọn ngẫu nhiên. Như vậy hạn chế được tình trạng người học cử đại diện hoặc chỉ một vài người tham gia thảo luận nhóm hoặc làm báo cáo. Các nhóm được yêu cầu có kế hoạch làm việc, bảng chấm công tham gia đóng góp vào thành quả chung của nhóm. Giảng viên có thể bổ sung thêm các câu hỏi cho nhóm trình bày,

sinh viên thảo luận các câu hỏi có liên quan. Mỗi sinh viên sẽ đóng góp ý kiến của mình về tình huống đưa ra. Các sinh viên trong các nhóm còn lại có thể trao đổi, thảo luận để phân tích làm rõ thêm những vấn đề đã được nêu ra trong tình huống.

Bước 7: Tổng kết, nhận xét và đánh giá các nhóm, rút ra kết luận các giải pháp có liên quan đến nội dung lý thuyết môn học. Sau khi ghi nhận các ý kiến của các nhóm, từng thành viên trong nhóm. Giảng viên sẽ dựa vào đó đánh giá vấn đề đang thảo luận. Có thể có những vấn đề không mang lại kết quả như mong muốn, có những vấn đề có kết quả đúng sai rõ ràng, nhưng giảng viên sẽ là người chịu trách nhiệm đưa ra kết luận cuối cùng về tình huống.

3.3.2. Quá trình tiến hành dạy học bằng tình huống

Bước 1: Giới thiệu tình huống, giảng viên viên cung cấp thông tin về tình huống và nhiệm vụ cần giải quyết. Giảng viên cần bao quát lớp, chắc chắn rằng tất cả sinh viên đều lĩnh hội được đầy đủ thông tin.

Bước 2: Thực hiện điều khiển lớp hoạt động để đưa ra cách giải quyết tình huống, dẫn dắt sinh viên giải quyết tình huống bằng câu hỏi gợi mở. Tổ chức cho sinh viên giải quyết vấn đề theo nhiều hình thức khác nhau như làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, hay thảo luận cả lớp.

Bước 3: Sinh viên trình bày phương án giải quyết tình huống. Nếu tình huống được tổ chức làm việc theo nhóm thì cho đại diện nhóm phát biểu. Còn nếu sinh viên làm việc độc lập thì mời sinh viên xung phong hoặc gọi ngẫu nhiên đề sinh viên nêu ra cách giải quyết tình huống.

Bước 4: Kết luận về cách giải quyết tình huống sau khi sinh viên trả lời xong, giáo viên nên cho cả lớp nhận xét câu trả lời của bạn hoặc cả lớp thảo luận chọn cách giải quyết hợp lý nhất. sau đó giáo viên nhận xét câu trả lời của sinh viên và chốt vấn đề. Xác nhận kiến thức, kỹ năng, hay thông điệp gì sinh viên thu nhận được thông qua tình huống.

Chương 4

SỬ DỤNG DẠY HỌC TÌNH HUỐNG Ở MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

4.1. Phần thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin

Tình huống 1

Mục I phần 1 *sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học*, giảng viên có thể sử dụng một tình huống như sau: Hai bạn học sinh tranh luận về nguồn gốc của muôn loài, học sinh Hoa cho rằng: “Thế giới hiện nay có vô vàn các loài động, thực vật khác nhau. Sỡ dĩ nó phong phú như vậy là do trước đó Chúa đã sáng tạo ra, ngay cả con người cũng do Chúa tạo ra đấy”. Mai suy nghĩ rồi

trả lời: ‘Mình thấy quan niệm của bạn không đúng. Thế giới này không có thần thánh. Các sự vật đa dạng là do tự nó có và tự nó thích nghi với môi trường sống’.

Hãy chỉ ra thế giới quan của hai sinh viên?

Vấn đề này có thể sử dụng hình thức tets nhận thức của sinh viên xem các em nhìn nhận vấn đề như thế nào ở góc độ cá nhân.

Giáo viên chốt vấn đề: Hoa theo quan niệm chủ nghĩa duy tâm còn Mai theo quan niệm chủ nghĩa duy vật, để từ đó chỉ ra hai trường phái duy vật và duy tâm trong triết học.

Tình huống 2

Chương I phần II mục 2 *nguồn gốc ý thức*, khi giảng xong nguồn gốc tự nhiên, giảng viên kể cho sinh viên tình huống: Vào cuối năm 1959, bộ đội Biên phòng Cà Xèng đóng tại Thượng Hóa, Quảng Bình, trong một lần tuần tra đã phát hiện nhóm “người rừng” nhút nhát, không mảnh vải che thân, leo trèo trên vách đá, chuyển cành nhanh như thú hoang. Giảng viên đặt câu hỏi: Tại sao xã hội hiện nay mà vẫn có một bộ tộc người sống như thời kỳ nguyên thủy?



Gia đình người Rục ở hang đá ở Hung Mun



Một người Rục uống nước trực tiếp từ dây leo rừng



Bộ đội Biên phòng Đồn Cà Xèng (Quảng Bình) vận động một gia đình người Rục về bản



Người Rục đã biết cấy lúa

Với tình huống này, có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm thông qua các bước sau:

- + Bước 1: Chia nhóm để thảo luận: Tùy theo số lượng sinh viên và lượng thời gian để chia nhóm.
- + Bước 2: Sinh viên thảo luận theo nhóm.
- + Bước 3: Mỗi nhóm cử đại diện trình bày.
- + Bước 4: Thảo luận cả lớp về các ý kiến đã trình bày.

+ Bước 5: Giảng viên kết thúc thảo luận, chốt lại vấn đề.

Giảng viên kết luận: Ngoài nguồn gốc tự nhiên thì nguồn gốc xã hội có vai trò to lớn là nguồn gốc trực tiếp sinh ra ý thức. Trả lời câu hỏi đó đồng thời dẫn dắt sinh viên tìm hiểu về nguồn gốc xã hội.

Tình huống 3

Giảng phần 3 mục b *vai trò của ý thức đối với vật chất*, giảng viên có thể đưa ra mẩu chuyện gửi thông điệp cho sinh viên như sau: “Người nông dân nghèo hoàn nghèo”.

Thấy người nông dân nọ mãi hoài nghèo khó, người hàng xóm cạnh nhà ngõ ý muốn hỗ trợ. Ông hỏi người nông dân: “Bác có trồng lúa mạch không, tôi có hạt giống?”.

Người nông dân: “Không, tôi sợ trời không mưa”.

Người hàng xóm: “Vậy ông có trồng bông không?”.

Người nông dân: “Không, tôi sợ côn trùng ăn hết bông”.

Người hàng xóm: “Vậy ông trồng gì?”.

Người nông dân: “Không trồng gì hết, tôi phải bảo đảm an toàn, không có rủi ro”.

Người hàng xóm nghe được câu trả lời bèn lắc đầu, bỏ đi.

Sinh viên suy nghĩ như thế nào về câu chuyện này?

Giảng viên kết luận: Bài học cuộc sống: Một người không dám mạo hiểm đối mặt với thử thách, không tìm cách khắc phục và vượt qua khó khăn mà ý nghĩ đầu tiên luôn là “bỏ cuộc” thì chắc chắn sẽ chẳng làm được gì, không cải tạo được hiện thực. Để phản ánh được sự tác động tiêu cực của ý thức đối với vật chất như thế nào.

Tình huống 4

Cũng nội dung b trong mục 3 *vai trò của ý thức đối với vật chất*, giảng viên sử dụng tình huống trong câu chuyện “Khi trời mưa”:

Ba người ra khỏi nhà, một người mang dù, một người cầm gậy chống, một người đi tay không.

Có thể chia hai nhóm để thực hiện. Câu hỏi: Ai sẽ là người trở về nhà an toàn?

Sau khi sinh viên trình bày, giảng viên chốt lại vấn đề: Khi trở về, người cầm dù bị ướt đẫm, người cầm gậy chống bị thương, người còn lại về nhà thì không sao hết.

Giảng viên hỏi: Vì sao?

Vì khi mưa đến, người có dù hiện ngang đi, nhưng lại bị ướt; khi đi trên đường bùn đất, người có gậy chống liều lĩnh bước, và liên tục bị ngã. Người không có gì trong tay, khi mưa đến thì trú, khi đường xấu thì đi rất cẩn thận, và cuối cùng không bị sao cả.

Bài học cuộc sống: Sẽ thật ngu ngốc khi bạn không những không tận dụng được lợi thế của mình mà còn vì chủ quan, dẫn tới lĩnh thất bại. Điều này phản ánh sự tác động của ý thức đối với vật chất có thể theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Tình huống 5

Khi giảng về *vai trò tác động của vật chất đối với ý thức*, giảng viên có thể sử dụng hình ảnh người con gái 19 tuổi Ngô Thị Tuyền ở Thanh Hóa trong kháng chiến chống Mỹ. Ngày 4/4/1965, Mỹ đánh bom xuống Hàm Rồng, khi có xe tiếp đạn tới, chị bất ngờ gặp hai hòm đạn dính vào nhau. Tình thế cấp bách chị nhờ đồng đội nâng hòm đạn lên vai rồi vác luôn và chạy băng băng qua hào sâu dưới mưa bom để tiếp đạn. Sau này, mọi người nói lại chị mới biết đã có lúc hai hòm đạn nặng 98kg gấp đôi trọng lượng cơ thể mình. Chị Ngô Thị Tuyền được mệnh danh là người đàn bà khỏe nhất Việt Nam, và là biểu tượng của ý chí quật cường của nhân dân Việt Nam

Sau này, một số chuyên gia Liên Xô đã đề nghị chị diễn lại cảnh này. Chứng kiến hình ảnh diệu kỳ này, họ đã phải thốt lên rằng: Giờ thì chúng tôi và cả thế giới đã tin. Nhân dân Việt Nam thật tuyệt vời!



*Nữ dân quân Ngô Thị Tuyền
năm 1965*



Anh hùng Ngô Thị Tuyền

Câu hỏi cho sinh viên: Theo các em, điều gì khiến chị có thể làm được như vậy?

Với tình huống này, có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm thông qua các bước sau:

- + Bước 1: Chia nhóm để thảo luận: Tùy theo số lượng sinh viên và lượng thời gian để chia nhóm.
- + Bước 2: Sinh viên thảo luận theo nhóm.
- + Bước 3: Mỗi nhóm cử đại diện trình bày.
- + Bước 4: Thảo luận cả lớp về các ý kiến đã trình bày.
- + Bước 5: Giảng viên kết thúc thảo luận, chốt lại vấn đề.

Giảng viên chốt vấn đề: Đó là lòng yêu nước, căm thù giặc đã biến sức mạnh tinh thần trở thành sức mạnh

vật chất. Để thấy được sự tác động tích cực của ý thức đối với vật chất.

Tình huống 6

Cũng nội dung này có thể sử dụng câu chuyện về anh bán mầu và bán thuẩn. Một ngày nọ, anh thương lái đến khu phố nọ bán mầu và bán thuẩn (giảng viên lý giải mầu là gì, thuẩn là gì). Đầu tiên, anh ta cầm cái thuẩn lên và nói to với mọi người xung quanh: “Mời mọi người đến xem chiếc thuẩn này và không gì có thể địch nổi sự bền bỉ của nó. Ngay cả một chiếc mầu sắc nhọn cũng không thể đâm thủng”. Và khi quảng cáo về cái mầu thì anh ta rao lớn: “Đây là cái mầu sắc bén nhất thế giới và không có gì là nó không đâm thủng”. Nghe nói vậy, mọi người cười lớn. Có người đã hỏi: Nếu đem cái mầu của anh ta đâm vào cái thuẩn của anh ta thì điều gì xảy ra?

Giảng viên: Bài học rút ra là: Trong suy nghĩ và việc làm phải thống nhất, nếu nói được mà không làm được thì không nên nói. Cũng phản ánh sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất.

Tình huống 7

Phần I *phép biện chứng và phép biện chứng duy vật*, để giúp sinh viên trang bị tư duy biện chứng có thể sử dụng tình huống đóng vai. Giảng viên cử ba sinh viên đóng vai: anh thợ cắt tóc, ông An, sinh viên Hoa.

Số lượng sinh viên trong lớp: 30 - 40 sinh viên. Phương tiện sử dụng trong giảng dạy: bảng viết, giấy khổ lớn. Phòng học đủ lớn để các nhóm làm việc.

Hoàn thành công việc đồng áng, ông An tranh thủ đi cắt tóc. Sau khi cắt tóc xong, ông hỏi anh thợ cắt tóc: “Hết bao nhiêu tiền để chú trả?”. Anh thợ cắt tóc vừa dọn dẹp, vừa lễ phép trả lời: “Dạ, ba mươi ngàn đồng thưa chú”. Ông An giãy nảy: “Sao đắt thế? Cách đây vài tháng chú lấy hai mươi ngàn đồng thôi mà”. Anh thợ cắt tóc phân trần: “Thưa chú, dạo này mọi chi phí đều tăng lên gấp đôi, từ lương thực, xăng dầu, tiền điện, tiền nước, tiền thuê cái quán này cũng tăng lên chú à”. Ông An tỏ vẻ bức bối: “Giá lương thực, điện nước, xăng dầu, thuê quán đúng là tăng cao nhưng mà có liên quan gì đến việc cắt tóc đâu? Chú mà “chém” đắt quá!”. Nói vậy nhưng ông An vẫn móc ví trả tiền. Ông ra về mà trong lòng vẫn âm ức. Chứng kiến câu chuyện của ông An từ đầu tới cuối, sinh viên Hoa cho rằng lập luận của anh thợ cắt tóc rất biện chứng còn lập luận của ông An thì mang tính siêu hình. Anh (chị) có đồng ý với ý kiến của sinh viên Hoa không? Tại sao?

Nêu nhiệm vụ của sinh viên. Sinh viên phải vận dụng kiến thức triết học về phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình để xác định quan điểm của anh thợ cắt tóc và ông An là mang tính biện chứng hay siêu hình?

Xem xét quan điểm nào là hợp lý và cần rút ra kết luận gì về cách xem xét các sự vật hiện tượng.

Giảng viên tổ chức theo các bước sau:

+ Bước 1: Sinh viên tìm hiểu tình huống, cử ba sinh viên đóng vai.

+ Bước 2: Chia nhóm để thảo luận: Tùy theo số lượng sinh viên và lượng thời gian để chia nhóm.

+ Bước 3: Sinh viên thảo luận theo nhóm.

+ Bước 4: Mỗi nhóm cử đại diện trình bày.

+ Bước 5: Thảo luận cả lớp về các ý kiến đã trình bày.

+ Bước 6: Giảng viên kết thúc thảo luận, chốt lại vấn đề. Đối với tình huống trên, sau khi tranh luận, giảng viên phải giúp sinh viên nhận thức được: Nhận định của sinh viên Hoa cho rằng: Lập luận của ông An là mang tính siêu hình còn lập luận của anh thợ cắt tóc mang tính biện chứng là chính xác. Đồng ý với ý kiến của sinh viên Hoa. Cụ thể: Anh thợ cắt tóc lý giải giá cắt tóc tăng lên là do sự ảnh hưởng, tác động của các chi phí như giá lương thực, xăng dầu, điện nước, tiền thuê quán tăng lên. Trong trường hợp này, anh thợ cắt tóc đã xem xét sự vật, hiện tượng trong sự liên hệ, tác động, ràng buộc và quy định lẫn nhau. Nên quan điểm của anh thợ cắt tóc là thể hiện quan điểm biện chứng. Ngược lại, ông An lại cho rằng giá lương thực, thực phẩm, điện nước, xăng dầu, tiền thuê

quán tăng không phụ thuộc, không liên quan đến giá cắt tóc. Trong trường hợp này, ông An đã xem xét sự việc trong sự tách rời, cô lập nên lập luận của ông An thể hiện quan điểm siêu hình.

Trong cuộc sống, chúng ta cần có quan điểm biện chứng khi xem xét, đánh giá các sự vật hiện tượng. Bởi vì, tất cả các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan đều liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau, không có sự vật nào là đứng yên một chỗ. Do đó, khi xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng cần đặt nó trong mối quan hệ với sự vật khác. Vì vậy, việc anh thợ cắt tóc tăng giá cắt tóc là đúng nhưng anh đã lợi dụng giá xăng dầu tăng để thu lợi bất chính bằng cách đẩy giá cắt tóc lên quá cao là không nên.

Tình huống 8

Mục II, phần 2 *nguyên lý về sự phát triển*, giảng viên sử dụng câu chuyện về hai con lừa. Ngày xưa có hai chú lừa, chú lừa thứ nhất ngày nào cũng vui vẻ, hạnh phúc với công việc của mình. Dù công việc có vất vả, mệt mỏi thế nào chú ta cũng thích thú làm việc. Còn chú lừa thứ hai, luôn trong trạng thái vô cùng căm ghét khi bị bắt phải phục dịch cho con người, nên ngày nào chú ta cũng kêu ca phàn nàn.

Đến một ngày, chủ nhân của hai chú lừa nói: “Hiện nay, ta có hai công việc giao cho các ngươi. Một công việc thì vô cùng khó khăn và đầy thách thức, còn một

công việc thì tương đối dễ dàng, các người có thể tự do lựa chọn...”.

Chú lừa thứ nhất nghĩ thầm: “Công việc đầy thử thách, mặc dù sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn, nhưng ta sẽ học được rất nhiều thứ”. Thế nên, chú ta chọn công việc nhiều thử thách.

Chú lừa thứ hai lại nghĩ: “Ngày nào mình cũng phải làm việc vất vả mà chả nhận được lợi ích gì, cái gì tốt cũng bị chủ nhân lấy hết rồi. Công việc của chủ nhân thì liên quan gì đến mình chứ, mình còn lâu mới mạo hiểm vì ông ta”. Và thế là, chú ta chọn công việc dễ dàng.

Chú lừa thứ nhất vui vẻ chấp nhận nhiệm vụ giao hàng phương xa. Chú ta vượt qua hết ngọn núi này đến ngọn núi khác, lội qua hết con sông này đến con sông khác, nằm sương dãi nắng, cuối cùng cũng vượt qua bao nhiêu khó khăn, vất vả để đến được đích. Chú lừa này không những đã hoàn thành nhiệm vụ, mà còn được thưởng thức hết cảnh đẹp của các vùng chú đặt chân qua.

Còn chú lừa thứ hai thì ở nhà làm nhiệm vụ đẩy cối xay, mắt chú ta bị bịt bởi một miếng vải màu đen. Hằng ngày chú ta phải đi vòng vòng để đẩy cối xay, mệt thì nghỉ, đói thì ăn. Hết ngày này qua ngày khác, cuối cùng chú ta cũng hoàn thành nhiệm vụ. Và khi được chủ nhân tháo miếng vải che mắt ra, chú ta mới nhận ra rằng: mình vẫn chỉ đi nguyên tại chỗ.

Giảng viên đưa ra tình tiết câu chuyện

Thông điệp giảng viên rút ra là:

Cũng giống như hai chú lừa trên, nắm bắt số phận mỗi người đó là sự lựa chọn. Nếu bạn luôn luôn nắm bắt tình yêu với cuộc sống, với niềm đam mê, bạn sẽ cố gắng hết mình đi thực hiện và hoàn thành chúng. Khi đó, bạn sẽ leo lên được đến những đỉnh cao mà bạn khó có thể ngờ tới. Còn nếu như bạn mất khi sự quyết tâm và nỗ lực, bạn cũng sẽ giống chú lừa thứ hai, mãi mãi chỉ dậm chân tại chỗ.

Một nhà triết gia từng nói: *Thượng đế ban cho con người đôi mắt đặt đằng trước não bộ, mục đích là để luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải luôn hướng về phía trước.*

Tình huống 9

Chương II phần *nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* nội dung ý nghĩa phương pháp luận, giảng viên sử dụng một câu chuyện: Tôi gặp ông Dũng trong một buổi đi chơi tại một vùng quê nghèo. Ánh mắt và giọng kể run run của ông làm tôi phải suy nghĩ mãi. Mặc dù không quen biết nhưng sau một lúc bắt chuyện thì ông kể cho tôi nghe về cuộc đời mình như được cơ hội trút bỏ tâm lòng. Năm 2010, vì cuộc sống quá vất vả túng quẫn, ông đã nghe lời dụ dỗ của người quen vận chuyển ma túy, ông bị kết án 8 năm tù. Ông nói, lúc đó tôi biết việc phạm pháp nhưng

vẫn làm, giờ tôi hối hận lắm. Vì cải tạo tích cực nên năm 2018, tôi được trả tự do, về nhà đoàn tụ cùng gia đình.

Giờ cuộc sống tôi gặp rất nhiều khó khăn, nhất là khi đi ra ngoài làm việc, mọi người đều nhìn tôi với ánh mắt dè dặt, đầy nghi ngờ. Cứ ra khỏi ngõ là nghe tiếng xì xào bàn tán. Giờ tôi chỉ muốn nhốt mình trong nhà thôi. Ở cái xóm nghèo này, cái vết như trong cuộc đời tôi không được họ cảm thông. Nhìn những bạn trẻ đang ở tuổi thanh xuân, nhiều người là trụ cột gia đình đã phải bóc lột trong nhà giam khiến tôi không khỏi tiếc nuối.

Câu hỏi cho sinh viên là: Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về câu chuyện trên và nếu bạn là người dân trong xóm ông Dũng thì bạn cư xử như thế nào?

Giảng viên chốt vấn đề: Giáo dục cho sinh viên trong nhận thức cũng như thực tiễn phải luôn quán triệt quan điểm toàn diện. Như câu chuyện trên thì không nên lấy quá khứ của một người để đối xử với họ trong hiện tại mà phải xem xét cả hiện tại và tương lai của họ. Và tuổi trẻ hãy biết trân trọng tự do, tôn trọng pháp luật và các giá trị con người trong cuộc sống này.

Tình huống 10

Chương II mục VI phần *quy luật chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại*. Sau khi giảng xong mục b *mối quan hệ*

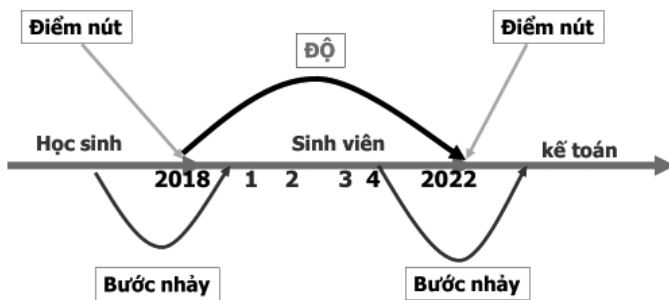
biện chứng chất lượng, để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về sự hoạt động của quy luật và các phạm trù, giảng viên sử dụng bài tập tình huống và yêu cầu sinh viên hoàn thành.

Ví dụ: Lớp kế toán k5.01 nhập học ngày 14/8/2018, ra trường tháng 7/2022, yêu cầu sinh viên chỉ ra chất, lượng, độ, điểm nút, bước nhảy lớp k5.01.

Để thực hiện bài tập tình huống trên, giảng viên có thể sử dụng hình thức chia nhóm thực hiện theo các bước trên hoặc làm việc cá nhân.

Hoàn thành bài tập cũng đồng nghĩa với việc sinh viên đã nắm được quy luật hoạt động và các phạm trù của quy luật.

Giảng viên chốt vấn đề bằng sơ đồ và đồng thời đã làm rõ được các khái niệm.



Tình huống 11

Hoặc cũng ở nội dung *quy luật lượng chất*, giảng viên có thể chiếu cho sinh viên xem một đoạn clip về Cách mạng Tháng Tám hoặc chiến thắng mùa Xuân năm 1975 và yêu cầu sinh viên chỉ ra độ, điểm nút, bước nhảy, để thấy được sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại diễn ra như thế nào.

Yêu cầu sinh viên chỉ ra độ, điểm nút, bước nhảy của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

Có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm bằng các bước trên hoặc hình thức cá nhân.

Giảng viên chốt vấn đề: Độ là quá trình đấu tranh không ngừng nghỉ của nhân dân Việt Nam, đặc biệt từ năm 1930 đến 1945.

Điểm nút là ngày 19 tháng 8 năm 1945.

Bước nhảy là từ một dân tộc thuộc địa nửa phong kiến trở thành nước tự do, độc lập, bằng việc ngày 2/9/1945 Bác Hồ đọc Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tình huống 12

Cũng nội dung *quy luật lượng chất*, sau khi giảng ý nghĩa phương pháp luận để gửi tới sinh viên về một thông điệp: Có một công thức thành công luôn được

áp dụng, đó là kiên trì, kiên trì và kiên trì, thành công là một hành trình tuyệt đối không phải là đích đến, thành công không đến với những ai chỉ nỗ lực một hay vài lần. Bằng mọi giá hãy nỗ lực tiến về phía trước. Sự tích lũy về lượng sẽ dẫn tới sự thay đổi về chất và ngược lại.

Từ nội dung bài học hôm nay, anh (chị) học được những gì và rút ra được điều gì cho bản thân?

Với vấn đề này có thể thực hiện hình thức test cá nhân.

Giảng viên: Trong quá trình học tập và rèn luyện cũng như trong cuộc sống, để đạt mục tiêu đề ra, đòi hỏi mỗi người phải không ngừng kiên trì, nỗ lực với cả một quá trình... bởi, để thực hiện được những mục đích lớn lao thì trước hết phải bắt đầu từ những công việc nhỏ, đơn giản, bình thường nhất, cần phải tránh nóng vội, chủ quan, hấp tấp.

Trong cuộc sống, mỗi con người đều mong muốn mình phát triển được nhanh nhất, thế nhưng yếu tố quyết định sự phát triển nhanh của chúng ta lại rất nhiều, chẳng hạn như thời đại, cơ hội, may mắn,... Tất nhiên, cơ bản nhất vẫn là sự tích cực trong mỗi người.

Mỗi người, bất kể bạn ở nơi nào, môi trường nào, chỉ cần bạn nỗ lực hết mình, có thể tại thời điểm này bạn chưa thành công, thế nhưng cuối cùng thành công sẽ đến với bạn.

Tình huống 13

Chương II phần 2 *quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập*, nội dung quá trình vận động của mâu thuẫn, giảng viên có thể sử dụng một đoạn clip về Cách mạng Tháng Tám, sau đó đặt ra những câu hỏi cho sinh viên. Đây là sự kiện gì? Vấn đề xảy ra ở đâu? Vấn đề xảy ra khi nào?

Yêu cầu sinh viên chỉ ra khác biệt, hình thành mặt đối lập, mặt đối lập mâu thuẫn gay gắt với nhau, khi điều kiện chín muồi, phủ định thay thế nhau, mâu thuẫn được giải quyết như thế nào, ra đời cái mới gì?

Với những câu hỏi này có thể sử dụng thảo luận nhóm theo các bước trên, sinh viên đại diện các nhóm thể hiện, sau đó giảng viên lồng vào luôn về quá trình vận động của mâu thuẫn diễn ra như thế nào. Và vạch ra quá trình vận động của mâu thuẫn diễn ra như thế nào.

Mâu thuẫn được giải quyết trong chính cách mạng Việt Nam. Đây là sự kiện Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

Ban đầu là sự khác biệt: một bên là nhân dân Việt Nam lầm than khổ cực phải chịu một cỗ hai trùng, chịu sưu cao thuế nặng, với một bên là thực dân, đế quốc và bọn tay sai ngồi mát ăn bát vàng.

Từ sự khác biệt hình thành hai mặt đối lập là nhân dân Việt Nam với đế quốc, phong kiến tay sai.

Khi mâu thuẫn gay gắt và điều kiện chín muồi, điều kiện chủ quan là phong trào yêu nước đã lên cao và đã có một đường lối dẫn đường là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều kiện khách quan là khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện là thời cơ ngàn năm có một để nhân dân Việt Nam đứng lên làm cuộc khởi nghĩa giải phóng mình khỏi mọi áp bức bóc lột bất công.

Mâu thuẫn được giải quyết, ngày 2/9/1945 Bác Hồ đọc Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là trang sử chói lọi trong lịch sử dân tộc ta. Đánh dấu mốc lớn trên con đường phát triển trong suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Mở ra một bước ngoặt lớn của cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc, nhân dân Việt Nam từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ.

Tuy nhiên, mâu thuẫn này được giải quyết nhưng lại tiếp tục nảy sinh những mâu thuẫn mới. Cứ như thế, quá trình đó cứ tiếp diễn làm cho xã hội phát triển đi lên.

Tình huống 14

Khi giảng dạy về nội dung *I quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất*, khi làm rõ các khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, giảng viên có thể đưa ra hoạt động may quần áo, yêu cầu sinh viên chỉ ra những yếu tố của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất trong hoạt động may quần áo là gì, có thể đưa

những hình ảnh trực quan sinh động về hoạt động may quần áo đó...

Với nội dung này, giảng viên có thể sử dụng hình thức chỉ định sinh viên trả lời. Qua đó, giúp sinh viên nắm được những vấn đề lý luận rất trừu tượng một cách dễ dàng.

Tình huống 15

Hoặc khi làm rõ tác động của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất theo hai chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực khi nó phù hợp hoặc không phù hợp, giảng viên có thể lấy ví dụ về quan hệ sản xuất thời kỳ trước đổi mới của Việt Nam cũng như quan hệ sản xuất đặc trưng hiện nay của thời kỳ đổi mới, thậm chí có thể sử dụng các thước phim về sản xuất của thời kỳ trước đổi mới và đổi mới để sinh viên có thể thấy được tác động hai chiều của quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất này. Hoặc khi giảng dạy về trình độ của lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, giảng viên có thể đưa vấn đề về tập trung, tích tụ ruộng đất hiện nay như là một đòi hỏi tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất.

Tình huống 16

Khi giảng nội dung *I quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*, đến nội dung sự vận dụng của Việt Nam về quy luật này có thể sử dụng những tình huống vui có thật trong thời kỳ

bao cấp để kể cho sinh viên. Từ đó, làm rõ tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất.

Nguyễn Văn Long (60 tuổi, ở Cầu Giấy, Hà Nội) có lẽ là người nhớ tỉ mỉ nhất những câu chuyện một thời tem phiếu.

Ông Long kể: Nói đến thời bao cấp là nhắc đến thời kỳ tem phiếu và phân phối. Thời bao cấp bắt đầu ở miền Bắc từ những năm kháng chiến chống Mỹ (1965). Nhưng sau giải phóng miền Nam (1975), chế độ tem phiếu được áp dụng toàn quốc, từ thành phố tới nông thôn. Tuy nhiên, nông thôn có cái khác là phân chia theo công điểm ở hợp tác xã. Nhu yếu phẩm gồm lương thực, thực phẩm như gạo, thịt, cá... đều phải mua bằng sổ và tem phiếu theo định mức. Mỗi gia đình được cấp cho một sổ gạo mỗi năm 12 tháng ghi khẩu phần của tất cả thành viên trong nhà.

Bố mẹ là cán bộ, viên chức mỗi tháng được mua 13,5kg, nếu là công nhân lao động trực tiếp có thể nhiều hơn vài ba kilogam. Trẻ con tùy độ tuổi có thể được 4 hoặc 6kg...

Còn tem phiếu mua thực phẩm, người lớn được 0,5kg thịt/tháng, trẻ em là 0,3kg. Một số nhu yếu phẩm khác như chất đốt, xà phòng, mì chính... đều có tem phiếu quy định riêng nhưng rất ít ỏi.



Hình ảnh: Phiếu cung cấp thịt thời kỳ bao cấp

Câu chuyện này được giảng viên kể và rút ra vấn đề liên quan bài học giảng viên chốt vấn đề muốn nói cho sinh viên ở đây là sự tác động tiêu cực quan hệ sản xuất, khi quan hệ sản xuất không phù hợp lực lượng sản xuất thì kìm hãm phát triển xã hội.

Tình huống 17

Mục III *tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội*, khi giảng về những yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội, yếu tố quyết định là phương thức sản xuất, giảng viên sử dụng tình huống Nhật Bản và Việt Nam để nói về vai trò quyết định của phương thức sản xuất.

Đặt câu hỏi cho sinh viên là: Vì sao Việt Nam hội tụ mọi yếu tố thuận lợi về điều kiện tự nhiên và điều kiện dân số hơn Nhật Bản nhưng vẫn là một nước nghèo thua xa Nhật Bản?

Tình huống này có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm theo 4 bước như trên.

Sau khi đại diện nhóm trình bày, giảng viên chốt vấn đề: Bởi khác nhau cái cách tạo ra của cái vật chất, đó chính là phương thức sản xuất vật chất. Vậy trong ba yếu tố thì phương thức sản xuất đóng vai trò quan trọng nhất của tồn tại xã hội.

Tình huống 18

Khi giảng phần *tính lạc hậu của ý thức xã hội*, kể về một tình huống hài hoặc một câu chuyện diễn ra có thật ở miền núi hoặc cho sinh viên theo dõi một đoạn video nói về những phong tục còn lạc hậu ở một số địa phương người dân tộc thiểu số mà giảng viên đã được thấy để nhấn nhủ với sinh viên rằng: sức mạnh của phong tục tập quán là sức mạnh ghê gớm. Ví dụ như nạn tảo hôn ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An và hậu quả của nó. Hay vấn đề hôn nhân cận huyết. Trách nhiệm của thanh niên là phải góp phần đẩy lùi những phong tục lạc hậu ở địa phương. Tình huống này được giải quyết như một thông điệp gửi cho sinh viên.

4.2. Phần học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất của tư bản chủ nghĩa

Tình huống 1

Chương IV sau khi học xong *quy luật giá trị*, để kiểm tra khả năng nhận thức vấn đề của sinh viên, giảng viên

có thể cho sinh viên một tình huống mở: Giả sử anh (chị) là giám đốc, anh (chị) cần làm gì để phát triển doanh nghiệp của mình? Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.

Giảng viên sử dụng hình thức thảo luận nhóm, sinh viên trình bày, giảng viên đánh giá nhận xét và chốt vấn đề. Với tình huống này, sinh viên có thể vận dụng toàn bộ kiến thức đã học phần chương IV để giải quyết như hàng hóa có hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng, những nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động...

Tình huống 2

Chương V, sau khi giảng phần II *quá trình sản xuất giá trị thặng dư*, liên hệ đến Việt Nam, giảng viên có thể đưa ra một tình huống sau và yêu cầu sinh viên trả lời câu hỏi: Tại địa bàn xã Nghi Lâm có Công ty gạch ngói Hoàng Nguyên. Người dân ở đây buổi sáng đi làm gạch, buổi chiều có thể về làm công việc đồng áng. Vậy trong trường hợp này, công nhân có bị bóc lột sức lao động không? Vì sao?

Sau khi thực hiện thảo luận nhóm, đại diện sinh viên trả lời và giảng viên nhận xét, đánh giá chốt vấn đề. Việt Nam là một quốc gia xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa, tuy nhiên hiện nay đang thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với xuất phát điểm thấp, thời kỳ quá độ nước ta sẽ phải kéo dài. Vì thế Đảng và

Nhà nước ta thực hiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có bốn thành phần: Nhà nước, tư nhân, tập thể và có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, việc bóc lột sức lao động là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, vấn đề bóc lột ở Việt Nam xét về mặt bản chất mang tính nhân văn của chế độ xã hội chứ không giống như xã hội tư bản chủ nghĩa. Chúng ta hiểu nó như là chế độ hành vi “hưởng thụ thực lãi” của hoạt động kinh tế.

Tình huống 3

Khi giảng về nội dung 3 *tỷ suất giá trị thặng dư* và *khối lượng giá trị thặng dư*, có thể sử dụng một số bài tập tình huống sau:

Bài tập 1: Giả sử có 100 công nhân làm thuê, sản xuất 1 tháng được 12500 đơn vị sản phẩm với chi phí tư bản bất biến là 250000 USD. Giá trị sức lao động 1 tháng của mỗi công nhân là 250 USD; trình độ bóc lột là 300%. Hãy xác định giá trị của một đơn vị sản phẩm và kết cấu của nó?

Hình thức thực hiện là sinh viên làm việc cá nhân, sau đó lên bảng làm bài. Sau đó, giảng viên chỉ ra chỗ đúng, chỗ sai và đánh giá sinh viên bằng cách cho điểm để khuyến khích tinh thần các em.

Đáp án: Giá trị của hàng hóa gồm 3 bộ phận $c+v+m$.

Giá trị toàn bộ sản phẩm là:

$$250000 + (250 \cdot 100) + 25000 \cdot 300/100 = 350000 \text{ USD}$$

Giá trị của 1 sản phẩm: $350000/12500 = 28 \text{ USD}$

$$\text{Cơ cấu giá trị} = 250000/12500 + 250000/12500 + 75000/12500 = 20c + 20v + 6m$$

Tình huống 4

Khi giảng nội dung *thực chất và động cơ của tích lũy tư bản*, có thể sử dụng một số bài tập tình huống sau:

Bài tập 1: Giả sử công nhân bán sức lao động theo đúng giá trị. Sau đó tiền công danh nghĩa tăng lên 2 lần, giá cả vật phẩm tiêu dùng tăng lên 60%; còn giá trị sức lao động tăng lên 35%. Vậy, mức tiền công thực tế thay đổi như thế nào?

Lời giải:

Nếu tiền công danh nghĩa tăng 2 lần và giá cả vật phẩm tiêu dùng tăng 60%, thì chỉ số tiền công thực tế sẽ là:

$$200 \cdot 100 / 160 = 125\%$$

Song, giá trị sức lao động lại tăng 35%, tức là tốc độ tăng của giá trị sức lao động lớn hơn tốc độ tăng tiền công thực tế, do đó tiền công thực tế giảm xuống:

$$125 \cdot 100 / 135 = 92,6\%$$

Như vậy, mặc dù tiền công danh nghĩa tăng 2 lần, nhưng tiền công thực tế vẫn giảm, bởi vì tiền công thực tế phụ thuộc vào không chỉ tiền công danh nghĩa mà còn giá cả hàng tiêu dùng và dịch vụ, mức thuế, mức tăng cường độ lao động, lạm phát...

Tình huống 5

Khi giảng nội dung 3 *cấu tạo hữu cơ của tư bản*, có thể sử dụng một số bài tập sau:

Bài tập 1: Khi tổ chức sản xuất, nhà tư bản kinh doanh ứng trước 50 triệu lia, trong điều kiện cấu tạo hữu cơ tư bản là 9/1. Hãy tính tỷ suất tích lũy, nếu biết rằng mỗi năm 2,25 triệu lia giá trị thặng dư biến thành tư bản và trình độ bóc lột là 300%.

Lời giải:

Theo bài ra $c/v = 9/1$, tư bản ứng trước bỏ vào v là 50: 10 = 5 triệu lia.

Khối lượng giá trị thặng dư là:

$M =$ tỷ suất giá trị thặng dư nhân v , tức là: $300.5/100 = 15$ triệu lia.

Mỗi năm nhà tư bản kinh doanh tích lũy 2,25 triệu lia.

Vậy, sau năm thứ nhất, tỷ suất tích lũy là:

$$2,25/5 \cdot 100 = 15 \%$$

4.3. Phần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học

Tình huống 1

Khi bàn về *sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân* hiện nay, sự chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức trên phạm vi toàn thế giới, kéo theo sự biến đổi về thành phần, cơ cấu của giai cấp công nhân. Ngoài ra, do tự động hóa nền sản xuất, đội ngũ trí thức (kỹ sư, kỹ thuật viên,...) tăng lên nhanh chóng. Từ đó, các nhà lý luận của chủ nghĩa tư bản vội rút ra kết luận rằng giai cấp vô sản đã dần biến mất và sứ mệnh lịch sử của giai cấp này vì thế cũng không còn. Bên cạnh đó việc tham gia trong kết cấu sở hữu các tư liệu sản xuất của giai cấp công nhân khiến cho nhiều người cho rằng không còn hiện tượng bóc lột giá trị thặng dư, từ đó cuộc đấu tranh giai cấp chống lại giai cấp tư sản cũng bị thủ tiêu...

Câu hỏi đặt ra là anh (chị) suy nghĩ như thế nào về nhận định trên?

Giảng viên chốt vấn đề sau khi thảo luận nhóm theo 4 bước: Sự thực không phải như vậy. Bởi, sự vận động tất yếu của lịch sử thế giới một phần tư thế kỷ qua chính là bằng chứng chân thực để phủ nhận những tuyên bố đó. Chủ nghĩa xã hội hiện thực vẫn luôn tồn tại, phát triển trong cải cách, đổi mới; giai cấp công nhân vẫn không

ngừng phát triển cả về số lượng, chất lượng và khẳng định vai trò sứ mệnh lịch sử của họ.

Tình huống 2

Giảng về *Cách mạng xã hội chủ nghĩa*, khi bàn về xu hướng phát triển tất yếu các dân tộc trên phạm vi toàn thế giới, giảng viên đưa ra tình huống với yêu cầu như sau: Có ý kiến cho rằng, trong thời đại ngày nay, với những gì đã diễn ra của chủ nghĩa xã hội hiện thực, việc Việt Nam kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chỉ là mong muốn chủ quan của những người cộng sản chứ không phải là một tất yếu lịch sử.

Câu hỏi đặt ra cho sinh viên thảo luận là: Anh (chị) hãy cho biết ý kiến của mình về luận điểm trên?

Hình thức thực hiện có thể sử dụng là thảo luận nhóm theo 4 bước trên. Sau khi đại diện trình bày và giảng viên đánh giá nhận xét và chốt vấn đề.

Giảng viên: Ở tình huống này khi bắt đầu tiếp cận, sinh viên có thể nhận thức được rằng, đây là một biểu hiện trong hệ thống các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm tạo ra xu hướng xét lại về con đường tiến lên của dân tộc Việt Nam. Cái mà sinh viên đã biết là những nhận thức về nguyên nhân và bản chất của sự tan rã và sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu. Đó là sự thất bại của một cách làm không khoa học,

mắc nhiều sai lầm và phản bội chủ nghĩa Mác chứ hoàn toàn không phải là sự lỗi thời của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một học thuyết khoa học và cách mạng, và càng không phải với tư cách là một phong trào hiện thực khi xem xét nó trong bối cảnh hiện nay. (Những hiểu biết này, người học đã được trang bị qua các bài học trước đó và những kiến thức trong chương trình giáo dục phổ thông). Cái mà sinh viên chưa biết và cần phải tìm lời giải đáp là việc Việt Nam tiếp tục kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có là một tất yếu khách quan? Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn của sự kiên định đó? Ở đây, với tình huống này, mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết đã được hình thành, vấn đề đã xuất hiện và người học đã hội đủ điều kiện để thực hiện công việc tiếp nhận và giải quyết tình huống trên.

Tình huống 3

Nội dung cách mạng xã hội trong chương VII, để sinh viên hiểu sâu hơn *mục tiêu và động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa* và mối quan hệ giữa chúng, giảng viên dẫn xuất và yêu cầu sinh viên lý giải luận điểm nổi tiếng sau của C.Mác và Ăngghen khi hai ông so sánh về mục tiêu và động lực giữa các cuộc cách mạng xã hội trong lịch sử: *“tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu cầu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là*

phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số”[7] Rõ ràng với tình huống trên, sinh viên sẽ cảm nhận được những trở ngại trong nhận thức ngay khi tiếp cận vấn đề. Quá trình hướng dẫn của giảng viên sẽ giúp sinh viên thấy rằng để giải quyết được vấn đề trên, sinh viên cần vận dụng tri thức đã được trang bị liên quan đến nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất và nguyên nhân của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; đặc điểm và tính chất của các cuộc cách mạng xã hội trước đây do giai cấp chủ nô, địa chủ và tư sản lãnh đạo... Hệ thống tri thức này là cơ sở trong việc giúp sinh viên tìm ra những luận cứ so sánh và tìm ra sự khác biệt về chất giữa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa với các cuộc cách mạng xã hội khác trong việc thực hiện mục tiêu giải phóng con người ra khỏi áp bức và bóc lột giai cấp.

Tình huống 4

Khi giảng dạy về những *đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa* và vận dụng chúng trong việc xác định những đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, giảng viên có thể đưa ra tình huống theo kiểu lựa chọn như sau:

Khi bàn về kết quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, có ý kiến cho rằng:

- Chúng ta đã có chủ nghĩa xã hội.

- Chúng ta chưa có chủ nghĩa xã hội
- Chúng ta vừa có, vừa chưa có chủ nghĩa xã hội.

Anh (chị) đồng ý với ý kiến nào trong những ý kiến trên?

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, mỗi sinh viên sẽ tự lựa chọn phương án giải quyết và trao đổi, tranh luận với bạn bè để bảo vệ hoặc phản đối. Thực hiện theo 4 bước như trên.

Giảng viên chốt vấn đề quá trình tranh luận của sinh viên và hệ thống hóa tri thức của giảng viên sẽ đem đến kết quả là: Trong các ý kiến trên thì chỉ có ý kiến thứ ba là đúng. Bởi vì những yếu tố thể hiện đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã xuất hiện trong thực tiễn xây dựng đất nước và đang ngày càng đầy đủ hơn trong các chặng đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều chúng ta “chưa có” ở đây là những đặc trưng ấy chưa đạt đến độ hoàn thiện, vững chắc. Để đạt được điều này, nước ta còn cần rất nhiều thời gian và phải trải qua rất nhiều chặng đường lâu dài, gian khó. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng vì thế mà về thực chất đó là quá trình đương đầu với những khó khăn, thách thức để tất cả những đặc trưng tốt đẹp ấy được biểu hiện ngày càng sinh động trên đất nước của chúng ta cho đến khi đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” trong hoàn cảnh và thời đại khác nhau.

Tình huống 5

Vận dụng phương pháp dạy học tình huống để giảng dạy những nguyên lý của các nhà kinh điển về lý luận “*cách mạng không ngừng*” và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sau khi đã phân tích giúp sinh viên nắm được những kiến giải của C.Mác, V.I.Lênin về lý luận cách mạng không ngừng, giảng viên có thể đưa ra tình huống theo dạng phản bác như sau: Căn cứ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quy luật vận động và phát triển của lịch sử, có ý kiến cho rằng Việt Nam sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì cần phải đưa đất nước đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa để phù hợp với “quy luật phát triển tuần tự của lịch sử”. Việc đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản là đi ngược lại những chỉ dẫn của các nhà kinh điển, là sự vi phạm tính chất “lịch sử - tự nhiên” mà Mác đã chỉ ra.

Ý kiến của anh (chị) về quan điểm trên?

Hình thức thực hiện có thể sử dụng là thảo luận nhóm theo 4 bước trên.

Giảng viên: Khi tiếp cận tình huống trên, sinh viên dễ dàng nhận ra đây là một lập luận sai lầm, muốn phủ nhận tính tất yếu của sự định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Việc vạch ra tính chất sai lầm của ý kiến này đòi hỏi sinh viên phải vận dụng những tri thức đã được

trang bị về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, những nội dung cơ bản về điều kiện lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân trong việc thực hiện cuộc cách mạng không ngừng. Ngoài ra, sinh viên cũng cần vận dụng tri thức thực tiễn của quá trình thay thế các hình thái kinh tế - xã hội của các quốc gia theo kiểu “tuần tự” và “nhảy vọt”; thực tiễn vận động của cách mạng Việt Nam theo quy luật độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội qua các chặng đường lịch sử... Kết quả của quá trình tìm ra bản chất của luận điệu sai lầm nói trên càng làm cho sinh viên cảm thấy được thuyết phục về tính tất yếu khách quan của việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong đường lối cách mạng nước ta. Đó là không phải là sự đi ngược với tính chất “lịch sử - tự nhiên” mà là sự vận dụng một cách sáng tạo và là sự bổ sung vào nguyên lý về cách mạng không ngừng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta.

Tình huống 6

Chương 8, phần nội dung xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, đề liên hệ đến việc xây dựng văn hóa học đường hiện nay, giảng viên xây dựng tình huống như sau:

Thầy giáo đang viết bảng, quay xuống thấy một học sinh đang đứng lên cầm mấy mẩu giấy ném về phía thầy. Thầy hỏi: “Em biết hành vi ấy sẽ đưa đến hậu quả gì không?”. Học sinh tinh bơ: “Biết, đuổi học!”.

Các bạn sinh viên nghĩ như thế nào về tình huống trên?

Sau khi sinh viên thảo luận, giảng viên chốt vấn đề: Thế hệ trẻ là tương lai của đất nước, là rường cột của nước nhà. Môi trường giáo dục lành mạnh là điều kiện tiên quyết để đào tạo thế hệ trẻ trở thành những công dân tốt có tài năng, đạo đức. Trường học là nơi rèn đức, luyện tài, trang bị kiến thức cho học sinh. Trong môi trường này, học sinh phải nhận thức rõ về trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân đối với thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ khác.

Trong môi trường giáo dục, hai mối quan hệ chính là quan hệ giữa thầy và trò và quan hệ giữa các trò với nhau. Trong đó, mối quan hệ giữa thầy và trò là mối quan hệ cốt lõi nhất để xây dựng môi trường giáo dục. Sinh viên cần phải giữ được sự tôn trọng đối với giảng viên, tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ bao đời nay.

4.4. Sử dụng tình huống trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tình huống 1:

Khi dạy học Chương 3: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, giảng viên có thể đưa ra tình huống: Tại sao Hồ Chí Minh lại lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội?

Nếu không lựa chọn con đường đó mà lựa chọn một con đường khác thì sao?

Giảng viên tổ chức lớp học đề xuất các giả thuyết khác nhau trong đó tập trung vào 2 giả thuyết sau:

+ Giả thuyết 1: Phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản; xuất phát từ bản chất, mục tiêu độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Giả thuyết 2: Vận dụng sáng tạo “quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người theo các hình thái kinh tế - xã hội”.

- Lập kế hoạch giải quyết tình huống có vấn đề: giảng viên có thể chia lớp thành 2 nhóm:

+ Nhóm 1: Có nhiệm vụ tham khảo giáo trình, tài liệu có liên quan để lựa chọn một trong hai giả thuyết trên (chẳng hạn lựa chọn giả thuyết 1).

+ Nhóm 2: Có nhiệm vụ tham khảo giáo trình, tài liệu có liên quan để lựa chọn một trong hai giả thuyết trên (chẳng hạn lựa chọn giả thuyết 2).

Kết quả thảo luận nhóm sẽ đưa đến kết luận:

+ Nhóm 1, chọn giả thuyết 1: Việc xác định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã phản ánh đúng quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Theo Hồ Chí Minh,

“Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Do đó, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội là “làm cho dân giàu, nước mạnh”, “là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”. Sự phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội là một đảm bảo vững chắc cho nền độc lập dân tộc.

+ Nhóm 2, chọn giả thuyết 2: Trong học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội C.Mác cho rằng: Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ được thay thế bằng một hình thái cao hơn đó là hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội; Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin để nghiên cứu về tiến trình lịch sử. Từ đó, Người đưa ra quan điểm: “tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan, trước hết là những quy luật trong sản xuất vật chất” [13, tr.96]. Với điều kiện lịch sử mới, con đường phát triển của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thực tế đã chứng minh con đường phát triển của Việt Nam là tất yếu, duy nhất đúng, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và xu thế phát triển tất yếu của nhân loại.

- Sau khi các nhóm trình bày nội dung của nhóm mình thì sinh viên các nhóm khác có thể đặt câu hỏi hoặc

chất vấn đề để làm rõ vấn đề. Quá trình thảo luận sẽ đi đến kết luận cả 2 nhóm cùng đúng.

- Từ đó, giảng viên tổng kết, bổ sung, đánh giá, cùng với sinh viên đưa ra kết luận vấn đề.

- Đề xuất vấn đề mới: Đổi mới không có nghĩa là thay đổi mục tiêu, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn. Vấn đề đặt ra ở đây là phải thay đổi biện pháp, cách thức thực hiện như thế nào cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thế giới hiện nay để sớm đạt được mục tiêu và con đường đã lựa chọn. Vậy thời cơ và thách thức đang đặt ra trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay là gì?

Tình huống 2

Trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Khi trích, Người có hai bản tuyên ngôn đó ở bên cạnh hay trích theo trí nhớ của mình? Cho biết vì sao, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn hai bản tuyên ngôn trên?

Trong tình huống này, giảng viên gợi mở mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và mới, giữa cái đã biết và chưa biết. Kiến thức cũ, cái đã biết: Tuyên ngôn độc lập năm 1945,

Hồ Chí Minh trích Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Kiến thức mới, cái chưa biết: Khi trích, Người có hai bản tuyên ngôn đó ở bên cạnh hay trích theo trí nhớ của mình? Cho biết vì sao, Hồ Chí Minh trích dẫn hai bản tuyên ngôn trên?

Giảng viên tiếp tục thuyết trình để giải quyết tình huống có vấn đề đã nêu ra hoặc có thể tiếp tục nêu những câu hỏi ngắn để dẫn dắt sinh viên trả lời, như:

1) Khi trích dẫn, Người có hai bản tuyên ngôn đó ở bên cạnh hay trích theo trí nhớ của mình trước đây khi sang Pháp và Mỹ mà Người đã tiếp cận?

2) Giá trị, ý nghĩa lịch sử của hai bản tuyên ngôn trên?

3) Việc Hồ Chí Minh trích dẫn hai bản tuyên ngôn trên có ý nghĩa gì?

Tình huống 3

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời từ giữa thế kỷ XIX, nhanh chóng có ảnh hưởng lớn trên thế giới, mãi đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc mới đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (rõ ràng đó không phải là một trường hợp ngoại lệ đối với nhiều người trên thế giới và ngay cả đối với người Việt Nam). Vậy cách tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin khác với nhiều nhân vật lịch sử cùng thời ở điểm nào mà Hồ Chí Minh nhanh chóng vận dụng và phát

triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và điều này quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam?

Ở tình huống này, giảng viên gợi mở mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và mới, giữa cái đã biết và chưa biết. Kiến thức cũ, cái đã biết: Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời từ giữa thế kỷ XIX, nhanh chóng có ảnh hưởng lớn trên thế giới (Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, Quốc tế cộng sản ra đời đã lôi cuốn nhiều dân tộc vào một trào lưu cách mạng mang tính thế giới...), năm 1920, Hồ Chí Minh mới đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức mới, cái chưa biết: Vào năm 1920, Hồ Chí Minh không phải là một trường hợp ngoại lệ đối với nhiều người trên thế giới và ngay cả đối với Việt Nam đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Giảng viên có thể tiếp tục thuyết trình để giải quyết vấn đề đã nêu ra hoặc có thể tiếp tục nêu những câu hỏi ngắn để dẫn dắt sinh viên trả lời, như: Vào năm 1920, nhiều người trên thế giới và ngay cả đối với Việt Nam đến với chủ nghĩa Mác - Lênin trước Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào? Nêu những dẫn chứng chứng minh Hồ Chí Minh nhanh chóng phát triển sáng tạo ngay sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin? Giải thích tại sao Người lại có thể nhanh chóng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin?

Trong trường hợp trên, Hồ Chí Minh nhanh chóng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, vì: Hồ Chí Minh am tường thực tiễn, có hành lý trí tuệ và hành trang tinh thần phong phú nên khác với nhiều nhân vật lịch sử cùng thời, Người đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin mang tính sáng tạo - chiến lược và điều này quyết định Người có thể nhanh chóng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tình huống 4

Với vấn đề: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập, tự do thực sự, độc lập, tự do hoàn toàn, Anh (chị) hãy cho biết, ở nước ta hiện nay, còn có một số địa phương để diễn ra hiện tượng quan liêu, cửa quyền, mất dân chủ; còn có những đồng bào, nhất là ở vùng cao, biên giới chưa có cuộc sống ấm no, hạnh phúc..., Vậy, ở Việt Nam đã có độc lập, tự do thực sự, độc lập, tự do hoàn toàn theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa? Vì sao?

Giảng viên có thể gợi mở mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và mới, giữa cái đã biết và chưa biết. Kiến thức cũ, cái đã biết: tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập, tự do thực sự, độc lập, tự do hoàn toàn; nước ta hiện nay, còn có một số địa phương để diễn ra hiện tượng quan liêu, cửa quyền, mất dân chủ; còn có những đồng bào, nhất là ở vùng cao, biên giới chưa có cuộc sống ấm no, hạnh phúc...

Kiến thức mới, cái chưa biết: ở Việt Nam đã có độc lập, tự do thực sự, độc lập, tự do hoàn toàn theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa? Vì sao?

Giảng viên có thể tiếp tục thuyết trình để giải quyết vấn đề đã nêu ra hoặc có thể tiếp tục nêu những câu hỏi để dẫn dắt sinh viên trả lời, như: 1) Những hiện tượng nêu trên... làm cho những tiêu chí nào về độc lập, tự do thực sự, hoàn toàn được đảm bảo? 2) Từ đó cho biết, Việt Nam đã có độc lập, tự do thực sự, hoàn toàn theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa? Vì sao?

Tình huống 5

Khi giảng dạy Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giảng viên có thể đưa ra tình huống “có vấn đề” như: Có ý kiến cho rằng: Hiện nay, chủ nghĩa xã hội đã lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại. Vì vậy, Việt Nam cần thay đổi con đường phát triển của mình. Anh (chị) có suy nghĩ gì về vấn đề này?

Tình huống 6:

Khi dạy học phần kiến thức: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên” trong Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân,

giảng viên có thể đưa ra tình huống: Hồ Chí Minh cho rằng: *“Cán bộ là gốc của mọi công việc. Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*. Quan điểm của anh (chị) về vấn đề này và ý nghĩa của vấn đề trong giai đoạn hiện nay?

Giảng viên cần đưa ra các gợi ý như:

(1). Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ có vai trò và vị trí như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng?

(2). Những phẩm chất cách mạng cơ bản của người cán bộ là gì?

(3). Ý nghĩa của vấn đề cán bộ và công tác cán bộ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay?

Trên cơ sở chia nhóm và các gợi ý đã nêu, giảng viên có thể giao nhiệm vụ cụ thể là nhóm 1, 2 thảo luận trả lời cho gợi ý (1), nhóm 3, 4 thảo luận trả lời cho câu gợi ý (2), nhóm 5, 6 thảo luận trả lời cho câu hỏi gợi ý (3).

Cuối cùng, giảng viên nhận xét và đưa ra kết luận (ngắn gọn): Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò, vị trí của cán bộ coi đó là cái gốc của mọi công việc. Từ đó, đưa ra những yêu cầu đối với cán bộ như: Phải có đạo đức, tuyệt đối trung thành với cách mạng, phải có năng lực lãnh đạo, luôn học tập nâng cao trình độ và đặc biệt là phải gắn bó mật thiết

Tình huống 7

Khi dạy Chương 3, Phần II, mục 1.b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, tr. 94-97), giảng viên có thể đưa ra tình huống: Có quan điểm cho rằng, chủ trương đưa Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội là lạc hậu, lỗi thời nhằm phủ nhận quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong tình huống này, giảng viên đặt các câu hỏi gợi ý:

1) Dựa trên những cơ sở cơ bản nào để Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội?

2) Quan điểm cho rằng, chủ trương đưa Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội là lạc hậu, lỗi thời, không phù hợp được dựa trên những cơ sở, lý do chủ yếu nào?

3) Anh (chị) cho biết ý kiến của mình trước khẳng định: chủ trương đưa Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội là lạc hậu, lỗi thời, không phù hợp?

4) Từ đó, anh (chị) rút ra được ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào?

Tình huống 8

Khi dạy về *Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, tr. 104-108) có nội dung: Hồ Chí Minh khẳng định sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản Việt Nam là hạt nhân của hệ động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giảng viên có thể đưa ra trường hợp nhận định về thực trạng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI: Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI): Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, đã chỉ rõ hạn chế, thiếu sót trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng: “... Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Nổi lên một số vấn đề cấp bách sau đây: Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”.

Sau đó, giảng viên đặt ra các câu hỏi gợi ý:

1) Tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội bao gồm những nội dung cơ bản nào?

2) Tại sao Hồ Chí Minh khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân của hệ động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

3) Thực tiễn hạn chế, thiếu sót trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng như nhận định của Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

4) Từ đó, anh (chị) có sáng kiến gì để góp phần giải quyết thực trạng trên trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng tạo động lực?

4.5. Sử dụng tình huống trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau khi khái quát một giai đoạn lịch sử, giảng viên có thể nêu lên tình huống:

Tình huống 1: Vì sao nói, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

Tình huống 2: Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đổi mới toàn diện đất nước?

Tình huống có vấn đề có thể được nêu lên khi phân tích khái quát về một giai đoạn lịch sử Đảng, chẳng hạn:

Tình huống 3: Vì sao tình thế cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ được ví như “ngàn cân treo sợi tóc”?

Tình huống 4: Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại dùng hai lần từ “nhân nhượng” trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946)?

Tình huống có vấn đề có thể được đưa ra khi nêu lên một sự kiện lịch sử Đảng. Ví dụ:

Tình huống 5: Vì sao Xô viết Nghệ Tĩnh trở thành đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930 - 1931?

Tình huống 6: Vì sao Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) được xem là hội nghị hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng?

Tình huống có vấn đề cũng có thể được đưa ra khi phân tích nội dung đường lối, chủ trương của Đảng trong tiến trình cách mạng. Chẳng hạn:

Tình huống 7: Vì sao Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định: Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới có hai nhiệm vụ chiến lược?

Tình huống 8: Vì sao đến Đại hội VI, Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội?

Tình huống 9: Suy nghĩ của bản thân về bước phát triển phương châm của Đại hội VII: “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” đến Đại hội IX thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước

trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”?

Như vậy, việc đưa ra tình huống có vấn đề không chỉ dừng lại ở việc đặt câu hỏi và đưa ra bài tập thông thường, mà phải đặt vấn đề, xây dựng tình huống để gợi mở tư duy cho người học, tạo sự mâu thuẫn giữa kiến thức và kinh nghiệm đã có với những kiến thức mới mà họ đang tìm hiểu. Phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề có thể đảm bảo cao nhất sự phát triển khả năng tư duy của sinh viên, đặc biệt là tư duy biện chứng, sáng tạo, đảm bảo cho sinh viên nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành tư duy khoa học. Tiếp xúc thường xuyên với phương pháp này sẽ giúp sinh viên làm quen với các phương pháp khoa học, tạo niềm say mê và hứng thú trong học tập.

Chương 5

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO VIỆC SỬ DỤNG TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

5.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao sử dụng tình huống gắn với thực tiễn

5.1.1. Sử dụng nhiều loại tình huống trong giảng dạy

Sử dụng các nguồn kiến thức có tính thực tiễn. Sử dụng ca dao, tục ngữ, thơ kết nối với tình huống. Sử dụng những mẫu chuyện vui, có kịch tính để đưa đến tình huống. Trình bày trong các loại ấn bản rất đa dạng như dạng phim, băng video, CDROM, băng cassette, đĩa, hay kết hợp các phương tiện trên.

5.1.2. Xây dựng câu hỏi phù hợp với trình độ học sinh

Chuẩn bị tốt các câu hỏi dẫn dắt gợi mở khi đưa ra tình huống, câu hỏi dẫn dắt gợi mở là hết sức quan trọng,

nhều khi là một trong những yếu tố quyết định chất lượng của tình huống và khả năng lĩnh hội kiến thức của người học. Chúng ta đều biết rằng, yếu tố thúc đẩy tư duy là những nhiệm vụ nhận thức nảy sinh trên cơ sở tri giác (cái gì là nền tảng của hiện tượng, nguyên nhân của nó là gì?), là những nghịch lý (tại sao những con tàu lớn bằng thép thì nổi, còn miếng sắt nhỏ lại chìm?), là sự ngạc nhiên v.v... Chính những câu hỏi “Cái gì?”, “Tại sao?”, “Như thế nào?” đã kích thích óc tìm tòi của người học, kích thích sự phân tích, so sánh và khái quát hóa. Cho nên, hầu hết các tình huống đều có một kết thúc mở dưới dạng một câu hỏi nhằm hướng người học đến vấn đề cần giải quyết cũng như nhằm tạo điều kiện cho người học có thể tiếp cận và giải quyết vấn đề theo nhiều phương hướng khác nhau chứ không bị gò bó, ép buộc đi theo một phương hướng cụ thể nào cả. Vì vậy, để chuẩn bị tốt câu hỏi dẫn dắt gợi mở, người dạy cần phải lưu ý những yêu cầu sau: Câu hỏi phải chứa đựng một mâu thuẫn nhận thức. Điều này chỉ đạt được khi câu hỏi phản ánh được mối liên hệ bên trong giữa điều đã biết và điều phải tìm. Phải chứa đựng phương hướng giải quyết vấn đề, thu hẹp phạm vi tìm câu trả lời. Nghĩa là có định hướng rõ ràng, nhằm đúng bản chất của vấn đề, không được chung chung, mơ hồ và có thể gây cho người học hiểu nhầm hay hiểu lệch ý. Câu hỏi phải tạo điều kiện làm xuất hiện giả thuyết, tạo điều kiện tìm ra con đường

đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề. Câu hỏi cần phải được diễn đạt đúng văn phạm, ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, khoa học. Phù hợp trình độ của người học, không quá đơn giản hay quá phức tạp. Câu hỏi phải mang tính logic, có sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, gây hứng thú nhận thức, kích thích người học tư duy, tìm câu trả lời

5.1.3. Sử dụng tình huống phù hợp với nội dung

Người dạy cần lựa chọn, sàng lọc, xây dựng tình huống dựa trên các tiêu chí cơ bản sau: Tình huống xây dựng phải phù hợp và phục vụ cho việc thực hiện mục đích, nội dung của bài học. Nội dung tình huống phải đảm bảo tính chính xác khoa học, bám sát kiến thức chuẩn từ sách giáo khoa. Tình huống phải có tính thực tế, phải gắn với những sự kiện liên quan đến đời sống hằng ngày, giúp người học có thể liên hệ với bài học một cách dễ dàng. Tình huống phải hấp dẫn, khơi dậy sự hứng thú, khơi dậy khả năng tự học và yêu thích bộ môn ở người học. Tình huống phải mang tính khả thi, bảo đảm những điều kiện cần và đủ để đưa đến giải pháp hợp lý, dễ chấp nhận. Tình huống phải vừa sức, phải phù hợp với trình độ người học. Một số biện pháp cụ thể: Sử dụng các nguồn kiến thức có tính thực tiễn. Sử dụng ca dao, tục ngữ, thơ kết nối với tình huống. Sử dụng những mẫu chuyện vui, có kịch tính để đưa đến tình huống.

Đưa tình huống vào bài dạy ở những thời điểm thích hợp theo ý đồ của người dạy như: tình huống vào bài, tình huống củng cố bài, tình huống chuẩn bị bài mới,... Linh hoạt sử dụng các hình thức cho người học thảo luận như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, thảo luận cả lớp. Tùy vào điều kiện cụ thể như thời gian, trình độ người học, nội dung tình huống mà người dạy cho phép các em làm việc theo nhóm (5 - 7 em/nhóm); cũng có thể thảo luận cả lớp; hoặc cho các em đọc lập suy nghĩ trong việc giải quyết tình huống. Tạo thời gian chờ vừa đủ cho người học suy nghĩ đưa ra phương án giải quyết, không nên để thời gian chờ quá lâu vì sẽ ảnh hưởng đến nội dung bài học. Có thể gợi ý khi người học không thể tìm ra cách giải quyết vấn đề. Người dạy gợi ý bằng cách đặt câu hỏi dẫn dắt các em đi đến câu trả lời.

5.1.4. Liên tục cập nhật thông tin để có thêm nhiều kiến thức thực tế

Giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có phong kiến thức sâu rộng. Mỗi giảng viên phải tự nhìn lại mình về kiến thức chuyên ngành, liên ngành và phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm đồng thời phải bổ sung những phần còn yếu, còn thiếu. Tự mình ý thức việc tự học để không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ; ngoài chuyên ngành của mình phải có, phải nắm vững kiến thức của

các bộ môn lý luận Mác - Lênin nhằm trang bị thế giới quan, nhân sinh quan, phép biện chứng, phương pháp luận khoa học,... giúp cho giảng viên soạn và trình bày bài giảng có hệ thống logic và giàu sức thuyết phục. Giảng viên phải đầu tư chiều sâu cho chuyên ngành của mình giảng dạy, chịu khó học tập, có sự cầu tiến và luôn dành tâm sức cho bài giảng. Trước mỗi buổi dạy, tiết dạy, giảng viên phải suy nghĩ nên sử dụng những phương pháp nào cho bài giảng và sau đó tự rút kinh nghiệm, nhằm không ngừng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp của mình.

Giảng dạy các môn lý luận Mác - Lênin nhất thiết phải liên hệ với thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn. Bài giảng muốn sinh động, giàu sức thuyết phục, giảng viên phải liên hệ với thực tiễn của thế giới, của đất nước, của địa phương, của bản thân mỗi học viên. Về sự liên hệ này tùy thuộc vào khả năng của mỗi giảng viên, có thể giảng viên tự liên hệ trong bài giảng và chỉ cho học viên thấy rõ điều đó được thể hiện trong thực tế cuộc sống. Để có thể liên hệ thực tiễn đòi hỏi giảng viên phải có một vốn hiểu biết nhất định, vốn sống nhất định.

Kiến thức các môn lý luận Mác - Lênin có mặt trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, từ vấn đề nhỏ nhất nhất trong sinh hoạt đời thường đến những vấn đề trọng đại của đất nước. Vì thế, trong đổi mới phương pháp giảng dạy

lý luận chính trị ở trường đại học nhất thiết phải chú trọng liên hệ với thực tiễn

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi sâu sắc quá trình phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Giáo dục là một lĩnh vực khá nhạy cảm, chịu sự tác động tất yếu từ những chuyển động xã hội, chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sức lan tỏa của làn sóng trên. Trong xu thế đó, sứ mệnh và vị thế của người giáo viên trong thời đại mới đã có nhiều đổi thay so với những quan niệm truyền thống. Không thể phủ nhận sức ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến lĩnh vực giáo dục

Thời đại 4.0 cung cấp lượng thông tin ở quy mô rất lớn, tốc độ truyền tải nhanh chóng, phương pháp học tập đa dạng, cách thức sắp xếp và tìm kiếm khoa học, tiến bộ. Người thầy không thể cứ nói lại những điều sẵn có vì thông qua keyword trong công cụ tìm kiếm, các bản sách in dạng file được chia sẻ miễn phí, sinh viên hoàn toàn đủ khả năng thụ đắc lượng kiến thức nhiều hơn cả giáo viên.

Giảng viên phải có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng cập nhật tri thức khoa học và chuyên ngành hiện đại. Thế giới đang ở trong quá trình của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại với những tác động sâu sắc đến

toàn bộ các mặt kinh tế và đời sống xã hội. Khối lượng tri thức nhân loại như một dòng thác khổng lồ đang cuộn cuộn chảy trên xa lộ thông tin.

Những kiến thức nhà trường chuyên giao chỉ là những cơ sở ban đầu cho một quá trình tự học, tự bồi dưỡng. Học là công việc suốt đời của bất kỳ ai. Đối với người đi dạy, điều đó lại càng quan trọng hơn. Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của máy vi tính và công nghệ thông tin, cơ hội tiếp cận tri thức của mỗi người đều bình đẳng với nhau.

Giảng viên rèn luyện thói quen sưu tầm, tra cứu tài liệu, nghiên cứu và viết tình huống. Nội dung tình huống phải mang tính thực tiễn, thời sự, miêu tả quan niệm sống, cuộc sống thường ngày của con người trong xã hội... Các tình huống phải bám sát đối tượng học, nhằm giải quyết mục tiêu bài giảng đặt ra. Để làm cho tình huống sống động, hấp dẫn nên sử dụng các trích dẫn hài hước, dí dỏm.

Năng lực chuyên môn của giảng viên sẽ khó hoàn thiện và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đổi mới giáo dục nếu không được bồi dưỡng thường xuyên liên tục. Mặt khác, bồi dưỡng giảng viên không chỉ dừng lại ở cấp Sở, phòng, trường mà bản thân giảng viên phải chủ động, tích cực trong việc bồi dưỡng chuyên môn cho chính mình. Tự học đó là con đường tự bồi dưỡng hiệu quả của giảng viên.

5.2. Kiến nghị

Nhằm mục đích nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các học phần chủ nghĩa Mác - Lênin, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

5.2.1. Đối với nhà trường và các cấp quản lý

Bổ sung tài liệu phong phú thư viện, nhất là tài liệu các môn lý luận chính trị. Tạo điều kiện cho sinh viên được sử dụng internet miễn phí một cách rộng rãi, hiệu quả và hợp lý về giờ giấc (giờ mở và đóng cửa, thời lượng sử dụng không phải chỉ 1 tiếng,...)

Tạo điều kiện cho giảng viên khoa lý luận chính trị nói chung đi thực tế, để làm phong phú hơn nguồn kiến thức thực tế cho giảng viên. Để từ đó giảng viên vận dụng vào trong bài học, tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình học lý luận.

5.2.2. Đối với giáo viên

Muốn áp dụng tốt phương pháp dạy học tình huống, giảng viên phải nắm vững bản chất và cách thức tiến hành trong dạy học. Phương pháp này có nhiều ưu điểm nổi bật như đã nói ở phần cơ sở lý luận, tuy nhiên, nếu lạm dụng hoặc không áp dụng khéo léo, đúng cách thì dễ làm mất thời gian và hiệu quả cũng không cao, dễ làm phá vỡ cấu trúc lý thuyết của bài học.

Giáo viên phải rèn luyện sự nhạy cảm nghề nghiệp và thói quen thường xuyên suy tâm, quan sát, ghi chép những tình huống có thực do tự trải nghiệm, do được nghe kể, hoặc từ các phương tiện thông tin đại chúng,...

Trên cơ sở những tình huống suy tâm, biên soạn được, tiến hành xây dựng ngân hàng các tình huống dạy học. Các tình huống dạy học không chỉ đơn giản được trình bày dưới dạng viết mà còn cần được bổ sung bằng các tình huống sống động dưới dạng hình ảnh, đoạn phim tư liệu nhằm tạo thêm sự sinh động, hấp dẫn, cuốn hút sự chú ý của người học.

Trong quá trình lên lớp, giáo viên phải biết khuyến khích và tạo điều kiện để sinh viên tham gia tranh luận, biết cách đưa ra luận điểm và bảo vệ ý kiến, dám và biết cách tư duy phản biện, phê phán trong quá trình học và tự học,.. Phát huy tính tích cực của người học: Tạo bầu không khí thân thiện, thoải mái nhưng nghiêm túc cho người học tự do nêu phương án giải quyết vấn đề. Tăng thời gian cho người học hoạt động. Phối hợp các hình thức tổ chức dạy học để tăng tính năng động ở người học. Sử dụng các phương tiện dạy học kích thích tư duy người học tham gia giải quyết tình huống. Động viên và khuyến khích sinh viên.

Nâng cao năng lực sư phạm của người dạy có một kiến thức sâu rộng về chuyên môn và liên môn là tiêu chuẩn

quan trọng hàng đầu của một người dạy giỏi. Kiến thức là một kho báu không bao giờ cạn và người biết trân trọng, tích lũy nó sẽ là người giàu có vô hạn. Người dạy có một vốn sống, vốn từ phong phú có thể dùng ngôn ngữ để truyền tải thông tin đến người học một cách dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả. Đặc biệt, trong dạy học tình huống, người dạy phải tự trang bị cho mình thật nhiều kinh nghiệm thì mới có thể xây dựng được những tình huống thật đắt, thật hấp dẫn, có khả năng lôi cuốn người học tập trung tham gia giải đáp. Để có được điều này, người dạy cần: Thu thập, cập nhật thường xuyên thông tin từ sách tư liệu, mạng internet, các bài báo, tạp chí có uy tín. Tổng kết và xây dựng ngân hàng tình huống chung giữa các giảng viên cùng một môn học trong một trường, giữa các trường với nhau. Liên hệ, tham khảo ý kiến của các giảng viên bộ môn khác nhằm phục vụ cho những tình huống có kiến thức liên môn. Tích lũy những ý tưởng, thắc mắc của người học về sự vật, hiện tượng xảy ra xung quanh đời sống của họ để xây dựng những tình huống thiết thực, phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi của các em.

Người dạy nên luyện tập để có được giọng nói truyền cảm, có thể dùng ngữ điệu bổng trầm, ngôn ngữ trong sáng, hấp dẫn, lý thú kết hợp với vốn sống, vốn từ phong phú dẫn dắt tình huống.

5.2.3. Đối với sinh viên

Trong lớp cần tập trung lắng nghe giảng, có thái độ hợp tác với giảng viên và các bạn trong nhóm, có kỹ năng làm việc nhóm.

Trong quá trình học tập, với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải tích cực rèn luyện những kỹ năng cơ bản, ví dụ như: kỹ năng đọc sách, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập luận, bảo vệ ý kiến cá nhân, kỹ năng hợp tác trong làm việc nhóm, năng lực tư duy phê phán, phản biện....

KẾT LUẬN

Lịch sử đã chứng minh rằng, sự thành bại hay thịnh suy của một dân tộc, một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức. Nguy cơ tụt hậu trong cuộc chạy đua ở thế kỷ XXI thực chất là cuộc chạy đua về trí tuệ và phát triển giáo dục. Ở bất kỳ thời đại nào, nguồn lực con người luôn là vị trí trung tâm, là động lực của sự phát triển xã hội. Trong đó, thế giới quan khoa học và năng lực tư duy của con người là yếu tố cơ bản của sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp “trồng người”. Ph.Ăngghen cho rằng, một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận.

Bước vào công cuộc đổi mới trong xu thế hội nhập diễn ra mạnh mẽ, đồng thời với việc nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ tương xứng với trình độ khu vực và thế giới, là hàng loạt những vấn đề đặt ra đối với nền giáo dục nước ta như: Làm thế nào để sinh viên Việt Nam

có đủ trình độ và niềm tin để gánh vác sứ mệnh vẻ vang của dân tộc là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, làm thế nào để họ định hướng tư tưởng đúng trong đời sống xã hội... trong thời gian học tập cũng như ra công tác sau này. Từ đây, có thể suy ra tầm quan trọng hàng đầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo sinh viên về các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống và phát triển năng lực tư duy lý luận. Với tư cách thế giới quan và phương pháp luận cho các khoa học, các môn lý luận chính trị có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xác lập các phẩm chất đó cũng như lý tưởng sống của mỗi sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy học, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện nếp tư duy sáng tạo, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động nhận thức thông qua việc xây dựng tình huống học tập và hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống học tập là vấn đề đang được nhiều giáo viên áp dụng trong dạy học.

Đứng trước yêu cầu của sự tác động mạnh mẽ, sâu rộng của cách mạng công nghiệp 4.0, đòi hỏi chất lượng giảng viên phải được nâng cao, các phương pháp giảng dạy phải được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Đây có thể là cơ hội, thách thức đối với sự nghiệp giáo dục. Tuy nhiên, chúng ta có thể hy vọng vào một ngày không xa, nền giáo dục Việt Nam sẽ theo kịp được sự

phát triển của các nước có nền giáo dục hàng đầu trên thế giới.

Trau dồi kinh nghiệm và vốn sống thực tiễn phong phú thông qua việc thu thập thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng, đi nghiên cứu thực tế, nhất là học hỏi ở phong trào quần chúng, ở cơ sở nhằm có những tình huống cụ thể, sinh động đưa vào giảng dạy làm cho bài giảng phong phú, tiết học sôi nổi. Có kỹ năng, năng khiếu, nghiệp vụ sư phạm, vững vàng về chuyên môn, tinh thông về phương pháp giảng dạy hiện đại, ứng biến linh hoạt trong quá trình lên lớp.

Mỗi giảng viên phải có kế hoạch thường xuyên nghiên cứu, tiếp cận, tự học tập, dự giờ, học hỏi kinh nghiệm, nắm bắt và vận dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại vào giảng dạy các môn học lý luận chính trị. Điều này đòi hỏi các giảng viên cần cố gắng nhiều hơn, quyết tâm hơn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Coi việc đổi mới phương pháp giảng dạy chính là xây dựng và xác định uy tín, vị trí của người giảng viên

Vận dụng dạy học theo các tình huống gắn với thực tiễn là con đường quan trọng để gắn việc đào tạo trong nhà trường với thực tiễn đời sống, góp phần khắc phục tình trạng giáo dục hàn lâm, xa rời thực tiễn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Vũ Ngọc Am (2004). *Một số vấn đề phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Vũ Ngọc Am (2009), *Một số vấn đề về phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

[3]. Ban Bí thư Trung ương, *Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014, Về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

[4]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *Đề án tiếp tục đổi mới giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

[5]. Ban Triết học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (chủ biên), (2002), *Một số ý kiến trao đổi về phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Hoàng Chí Bảo (2010), *Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Duy Bắc (chủ biên, 2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.

[8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia, Hà Nội trong giảng dạy đại học, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, (số 5).

[9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dùng cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dùng cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[13]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[14]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2007), *Đổi mới việc dạy học Triết học trong nhà trường đại học ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội - 299.

[15]. Đinh Tuấn Dũng (2002), *Đổi mới phương pháp dạy học theo tình huống*, Kỳ yếu hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn quốc lần thứ III, Hà Nội. Bộ Giáo dục và Đào tạo

[16] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục* (lưu hành nội bộ), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1979.

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[18]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[19]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[20]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị Trung ương 5, khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[21]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[22]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[23]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[24] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[25] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[26]. Nguyễn Thị Hương Giang, *Tìm hiểu về phương thức đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ* - Đại học Hà Tĩnh.

[27]. Nguyễn Thành Hai, Phùng Thúy Phương, Đồng Thị Bích Thủy (đồng tác giả), *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy tích cực*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[28]. Lê Văn Hảo (2002), *Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề*, Kỷ yếu Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn quốc lần thứ III, Hà Nội.

[29]. Đoàn Đức Hiếu, Phùng Thế Anh (2018), *Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[30]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Lịch sử Đảng (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[31]. Nguyễn Kỳ (chủ biên) (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[32]. Phạm Huy Kỳ (2010), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia.

[33]. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

[34]. V.I.Lênin (1975), *Toàn tập, tập 6*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

[35]. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập, tập 47*, Nxb Tiến Bộ Matxcova.

[36]. Nguyễn Phú Lộc (2001), *Dạy học tình huống*, Tài liệu bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ.

[37] C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập, tập 39*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[38]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[39]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[40]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[41]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 11*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[42]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập.15*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[43]. Hoàng Phúc (2017), *Phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong giảng dạy các môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng khu vực Tây Bắc*, Luận án tiến sĩ.

[44] Vũ Văn Tảo (1997), *Vài nét về xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trên thế giới*, Tài liệu giáo dục đại học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[45]. Hoàng Văn Thảo (2016), *Những tồn tại trong việc dạy và học chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường đại học không chuyên hiện nay*, *Nghiên cứu và giảng dạy Lý luận chính trị trong xu thế toàn cầu hóa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[46]. Trần Thị Thanh Thúy (2002), *Sử dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy hành chính*, Tạp chí Giáo dục (30).

[47]. Đinh Văn Tiến, Nguyễn Minh Phương, Phạm Thị Thúy và Lê Việt Chung (2018): *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[48] *Từ điển Triết học (1986)*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

[49]. Thomas. R. Wolanin, The Student Credit hour, An International Exploration, Number 122, Summer 2003, Jossey - Bass. Sanfancisco.

TÀI LIỆU THAM KHẢO TRANG WEB

[50]. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (<http://dangcongsan.vn/>)

[51].https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1%BA%BF_ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B [truy cập 25/5/2021].

[52]. Tạp chí Triết học <http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi/Pages/tap-chi-vien-chau-my.aspx>

[53]. Tạp chí Cộng sản <https://www.tapchicongsan.org.vn/>

[54]. Tạp chí Sinh hoạt lý luận <https://hcma3.hcma.vn/tap-chi-shll/Pages/so-tap-chi-phat-hanh.aspx?CateID=0&ItemID=49746>

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....5

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG

1.1. Khái niệm phương pháp, phương pháp dạy học9

1.1.1. Khái niệm phương pháp.....9

1.1.2. Khái niệm phương pháp dạy học 10

1.2. Phương pháp dạy học tình huống 15

1.2.1. Bản chất dạy học tình huống..... 15

1.2.2. Phân loại dạy học tình huống.....21

1.2.3. Ưu điểm, nhược điểm của dạy học tình huống24

1.2.3.1. Ưu điểm của dạy học tình huống24

1.2.3.2. Nhược điểm khi sử dụng phương pháp tình huống27

1.2.4. Vai trò của giảng viên trong dạy học tình huống ..28

Chương 2

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC MÔN

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC

2.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới
phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị.....33

2.1.1. Các môn lý luận chính trị ở bậc đại học theo chương trình mới	33
2.1.2. Phương châm đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học	39
2.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với giảng viên trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học	43
2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở bậc đại học	48
2.3. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở bậc đại học	64
2.4. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở bậc đại học.....	75
2.5. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở bậc đại học.....	84
2.6. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở bậc đại học	93

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG TRONG CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC

3.1. Tính tất yếu của sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị.....	111
---	-----

3.2. Những nguyên tắc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị ở bậc đại học....	113
3.2.1. Nguyên tắc chung	113
3.2.2. Nguyên tắc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong các môn lý luận chính trị	114
3.3. Quy trình thực hiện phương pháp dạy học tình huống trong giảng dạy các học phần chính trị	118
3.3.1. Xây dựng các bước tiến hành phương pháp dạy học bằng tình huống.....	118
3.3.2. Quá trình tiến hành dạy học bằng tình huống.....	120

Chương 4

SỬ DỤNG DẠY HỌC TÌNH HUỐNG Ở MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

4.1. Phân thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin.....	122
4.2. Phần học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất của tư bản chủ nghĩa.....	144
4.3. Phần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học	148
4.4. Sử dụng tình huống trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	156
4.5. Sử dụng tình huống trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	167

CHƯƠNG 5

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO VIỆC SỬ DỤNG TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

5.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao sử dụng tình huống gắn với thực tiễn	170
5.1.1. Sử dụng nhiều loại tình huống trong giảng dạy ..	170
5.1.2. Xây dựng câu hỏi phù hợp với trình độ học sinh.....	170
5.1.3. Sử dụng tình huống phù hợp với nội dung	172
5.1.4. Liên tục cập nhật thông tin để có thêm nhiều kiến thức thực tế.....	173
5.2. Kiến nghị.....	177
5.2.1. Đối với nhà trường và các cấp quản lý	177
5.2.2. Đối với giáo viên.....	177
5.2.3. Đối với sinh viên.....	180
- Kết luận	181
- Tài liệu tham khảo	184

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh - Nghệ An
Giám đốc - Tổng Biên tập: 0238.3844748 - 0983.524134
Văn phòng: 0238.3840560
Email: nxbnghean@gmail.com

VẬN DỤNG
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY
CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC
(Sách chuyên khảo)

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập: ThS. Bùi Thị Ngọc

Biên tập: ThS. Bùi Thị Ngọc

Bìa: Phương Thảo

Trình bày: Mai Hồng

Sửa bản in: Ban biên tập

Đối tác liên kết: Nguyễn Khánh Ly

(Trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

ISBN 978-604-376-471-0

In 200 cuốn, khổ 14,5x20,5m tại Công ty TNHH in Hoà Nhơn,
số 6/6 Lê Khôi, Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An. Chấp nhận
đăng ký XB số: 4364-2023/CXBIPH/4-61/NA. Quyết định xuất
bản số: 166/QĐ-NXBNA, cấp ngày 6/12/2023

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2023